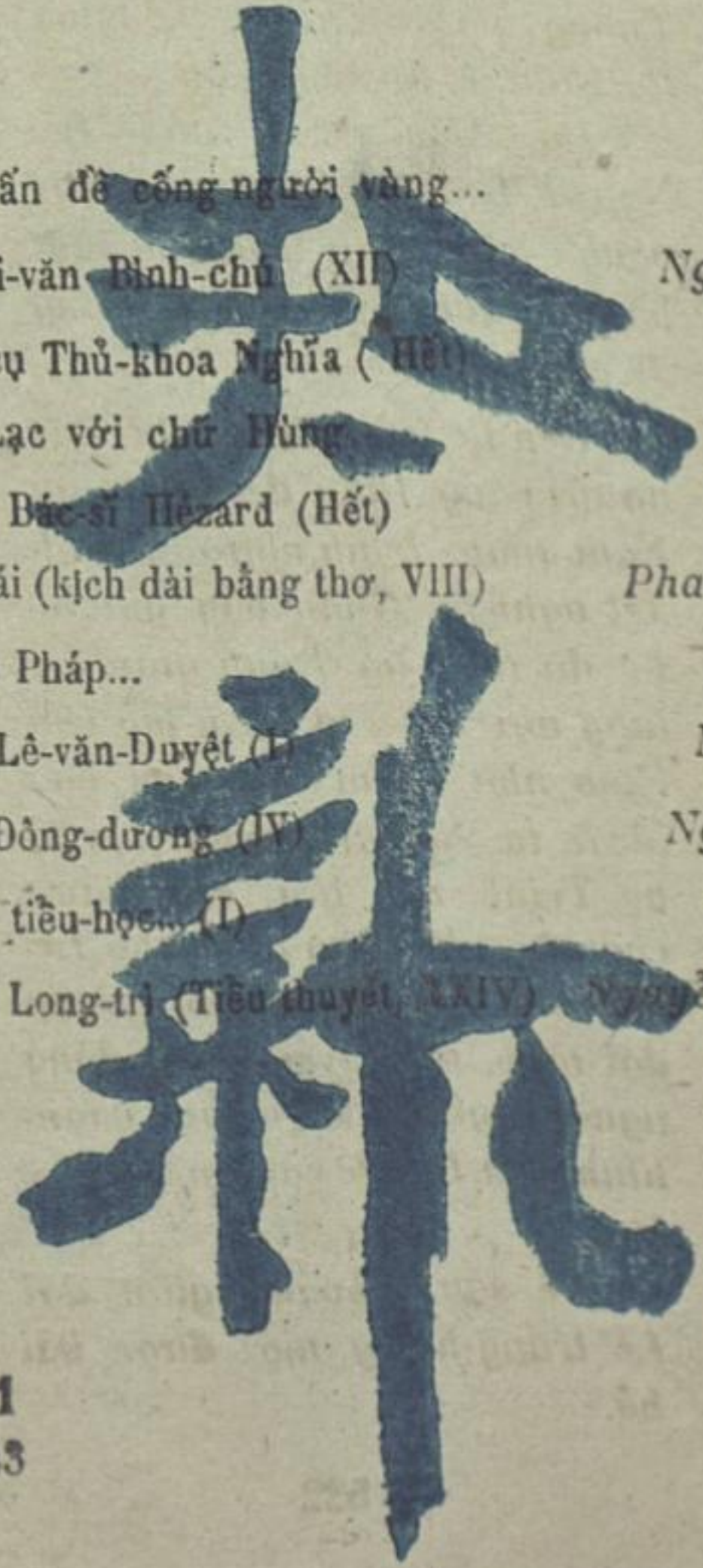


TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOA RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- 
- | | |
|--|------------------|
| * Trở lại vấn đề công người vàng... | Hoa-Bằng |
| * Quyền Thi-văn Bình-chủ (XII) | Nguyễn-Văn-Tổ |
| * Tiểu sử cụ Thủ-khoa Nghĩa (Hết) | Trực Thần |
| * Lại chữ Lạc với chữ Hùng | Ứng-Hòa |
| * Nói lời Bác-sĩ Hézard (Hết) | Liên-Giang |
| * Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, VIII) | Phan khắc-Khoan |
| * Khoa học Pháp... | Nhật-Nham |
| * Tả-quân Lê-văn-Duyệt (I) | Nguyễn Triệu |
| * Văn-hóa Đông-dương (IV) | Nguyễn-Văn-Tổ |
| * Cao-đẳng tiểu-học... (I) | Nguyễn-Nhân |
| * Đêm hội Long-trị (Tiểu thuyết, XXIV) | Nguyễn-huy-Tướng |

Năm thứ ba — Số 101
Thứ năm, 1er Juillet 1943

1 \$ 30

TRIỀU-ĐẠI NÀO ĐÃ LÀM VIỆC CÔNG ÂN TRƯỚC ?

HOA-RĂNG

TRONG Trí-Tàn số 83, tôi đã dẫn và dịch bức thư của triều Tây-sơn phản-kháng nhà Thanh về lệ cống người vàng. Nay thử xét lại xem lịch-sử cống người vàng này bắt đầu từ bao giờ.

Trong nguyên văn bức thư triều Tây sơn ấy có những câu như : « ..Trần, Mạc lịch đại dĩ dục tòng u Trung-quốc... », « ...phản dữ Trần cầm Ô-mã-Nhi, Lê sát Liễu-Thắng đồng luật... » và Nguyễn, Minh nhị đại chi sở vi ». Thế nghĩa là tác-giả bức thư đó đổ thừa cho nhà Trần là triều-đại chịu cống người vàng đầu-tiên vì phải đền mạng Ô-mã-Nhi bị ta bắt sống và dục thuyền giết chết.

Có lẽ can-cứ vào chút tài-liệu đó, ông Đinh-Lệnh-Uy có viết một bài bằng chữ nho đang ở Nam-Phong số 96, ra tháng Juin 1925, dưới cái đầu đề « Lịch-sử thượng chi kim nhân » (N. P. phần chữ nho, trang 93-94).

Tôi xin dịch nghĩa ra đây :

« ...Dời xa, năm lâu, kỳ tái thất tường, khiến ngày nay người đọc sử phần nhiều vẫn chưa biết việc dâng cống người vàng là bắt đầu từ đời nào... »

« Xét : khi quân Nguyễn đánh Trần, hàng xuống du ép vua Trần vào triều-cận. Vua Trần thời lấy cớ rằng mình có Người Nguyễn sức phai

sấm người bằng vàng làm giống hình-dáng quốc-vương để thay sang triều-kiến.

« Vua Trần sợ quân Nguyễn luôn đến xâm lấn khuấy rối, sinh-linh phải làm than, cực chẳng đã phải nghe theo, dâng người vàng để cầu khỏi biến-cổ : Đó là lần đầu-tiên dâng người vàng.

« Kịp khi vua Lê Thái-Tổ được nước, vì có giết Liễu Thắng, phải dâng người vàng thể thân để tạ nhà Minh.

« Họ Mạc cướp nhà Lê. Người Minh truyền dục người vàng : dâng như tù-nhân, mặt bơ-phờ, đầu cúi xuống, dâng để chuộc tội.

« Đến Lê trung-hưng, lại dục người vàng, thân đem tới tận Nam-quan, trình người Thanh xét nghiệm. Nhân bấy giờ họ Lê đã mất, họ Trịnh giúp Lê, lòng nơi núi sâu kiếm lấy con cháu nhà Lê mà lập làm vua nước ta. Người Thanh ngờ là họ Trịnh nói lừa, chứ chưa chắc hẳn là tông-phái nhà Lê, liền sức bảo dục người vàng dọi mào, mặc trao-phục, dâng người ngừng lên : làm chân-hình vua Lê, để cầu ơn ở nước lớn.

« Về sau, khoảng giữa đời Lê trung-hưng mới được bãi bỏ.

« Đến đời Quang-trung nhà Tây-sơn, Phúc-Khang-An nhà Thanh lại vin lệ cũ, bảo rằng :

— « Mỗi khi thay triều đời họ, nhà nào cũng phải có người vàng để thay tạ. Vậy sức-bảo sám lấy một pho người vàng mà dâng biểu. »

« Song họ hàng Tây-sơn từ chối, không chịu... »

Rồi dựa vào tài-liệu bài ấy của ông Đinh-Lệnh-Uy, ông Thạch-Bồ-Thiên có đăng một bài trên tờ « Sông-Hương » số 19, khẳng-nghen cái thuyết cống người vàng là bắt đầu từ Trần đó.

Vậy nay ta thử duyệt lại án này xem việc cống người vàng có quả thật từ Trần làm trước như trong bức thư ngoại-giao đời Tây-sơn đã nói đấy không.

Trước hết ta nên xét rằng mấy nhà ngoại-giao dưới triều Quang-trung chưa hẳn đã kê cứu lịch-sử kỹ-càng rồi mới hạ bút viết thư cho tổng-đốc Lương Quảng là Phúc-Khang-An đâu. Chẳng qua họ chỉ chú-trọng về mặt tranh luận với người Thanh để khỏi phải trịu vai ọe cõ lại gánh cái « nợ Liễu-Thắng » ấy thôi, chứ còn Trần làm trước hay Lê làm trước có lẽ họ cũng không để ý đến lắm. Vì ngoại-giao là một chuyện, mà sử-học lại là một chuyện khác.

Về vấn-đề này, tôi xin chia ra từng phần mà nói cho rõ :

Cống người vàng chắc không phải trước từ đời Trần. — Nhà Trần từ đời Thái-Tông đến Minh-Tông (1225-1329) thật là thời-kỳ hùng-cường oanh-liệt. Có nhiều phương diện, nhất là về mặt võ-bị, in lại lắm nét vẻ-vang rực-rỡ trên trang lịch-sử Việt-Nam.

Ngang đầu đời Trần, người Mông-cổ xông vào nội-địa Trung-hoa, giết nhà Tống (1), nhảy lên ngai hoàng-đế, làm chủ-nhân-ông ngót 400 triệu người. Thế rồi đứng trên Vân-nam, họ ngấp-nghe dòm sang mảnh đất Đại-Việt, sinh sự, gây chuyện rắc-rối trên trường ngoại-giao với Trần.

Vậy nay muốn biết Trần có phải là triều-đại đi đầu đem cống người vàng hay không, ta cần phải xét rõ tình-hình khi đó: ngoại-giao có hay không có hậu-thuần, quốc-quân chịu hay không chịu những khoản nhà Nguyên yêu-cầu, chiến thắng Mông-cổ là vì ưa-may hay vì có đủ thực lực... Sau khi chúng ta tìm đủ chứng-cớ để trả lời những câu hỏi đó rồi, thật không khó gì không phán đoán được việc cho nhà Trần đi đầu đem cống người vàng là hư hay thực.

Vậy tôi xin kể lại những việc Trần đối-phó với Mông-cổ ra sao để các bạn coi, bây giờ ta sẽ hạ lời phê-phán.

Vua Trần Thái - Tông (1225-1258), tuy mới thay Lý bước lên ngai vàng, cũng là bậc hào-hùng hăng hái, chứ có sợ gì quân Mông-cổ đâu.

Khi tướng Ngột-lương-hợp-thai đã bình được Vân-nam, Mông-cổ ngó mắt thêm-thường sang ta, định dùng võ-lực ra oai cho ta sợ

mà phải khuất phục. Ngột-lương-hợp-thai, tướng Mông-cổ, bèn kéo binh vượt địa-gới, lần lần tới ta đến tận sông Thao.

Hàng phục chăng? Không! Vua Trần - Thái - Tông, đề tỏ ta đây không sợ chính mình làm tướng, quyết một phen ăn thua với giặc ngoài.

Hai quân gặp nhau ở Thao - giang: Vua Trần thân chinh đốc chiến, xông-pha trong trận mưa đạn gió tên. Tuy vì quân ít hơn, nhà Trần trận đầu bất lợi, phải rút lui vào sông Phú-lương (tức sông Nhị) (2), nhưng sau gây lại sức hang-hải, Trần Thái tử tiến quân lên bến Đông - bộ - đầu: lại kịch chiến với quân Mông-cổ, hái được đóa hoa « đại thắng » tốt - tươi. (3)

Lại được dân - khí bấy giờ rất hăng, thấy nước có giặc, ai nấy coi mình có nghĩa-vụ phải đi cứu nước. Nên chi, khi thấy quân Mông-cổ chạy lui đến trại Quy-hóa, tức thì Hà - Bồng, chủ trại đó, nhóm lại các quân thờ - mán, xông đánh úp giặc, làm chúng đồ-bề tan tành. Đó là lần thứ nhất Trần đánh thắng Mông-cổ.

Trong trận này, ta thấy người Mông-cổ « khơi mào » ngay bằng võ-lực, chứ không dùng chính-sách ngoại giao: yên - cầu vua Trần Thái sang châu.

Đến đời vua Trần Thánh-Tông (1258 - 1278), người Mông-cổ lại gây sự! Muốn chạm trán với ta trên chiến - trường, họ lại làm mặt hạch - sách: sai sứ sang dỗ vua Trần Thánh vào châu! Cứng-cáp đề-kháng, vua chỉ sai người đem các quả lễ sang biểu thôi. Tới đây, tôi cũng không thấy sứ chép ta phải đem cống người vàng chi cả.

Phần vì muôn thực - hành cái đã tâm thôn - tình, phần vì căm hờn cái nhục thua trận mới rồi. Mông-cổ lại sai người sang trách ta sáu khoản:

- 1) chính quốc quân phải sang châu;
- 2) cho con em nhà vua sang làm con tin;
- 3) biên số dân;
- 4) phải góp quân lính;
- 5) phải đóng tàu thuyền;
- 6) phải đề người Mông-cổ đặt quan cai trị (4).

Nếu vua Trần nhượng bộ, chịu một trong sáu khoản đó, thì ta chẳng những thất-bại trong cuộc ngoại - giao, mà hẳn lại là chác lấy cái nhục giết-vong nữa. Song cứ làm lơ, hoàng-đế anh hùng họ Trần không thêm trả lời Mông-cổ.

Chưa hết! Người Mông - cổ còn làm giả nữa. Sau đó, họ lại sinh sự hỏi vặn về dấu-tích cột đồng trụ. Cột đồng của Mã-Viện! Nó là một cái quốc-sĩ của ta! Chính nhờ tay nhà Trần, ta mới xóa được vết nhơ đó trên trang lịch-sử!

Đây, lời phản - kháng của nhà ngoại-giao ta hồi đó: « Cái mốc cũ bằng cột đồng trụ do Mã-Viện lập ra lâu ngày mất tích, nay không rõ ở vào nơi nào nữa! » Hùng-thay mấy lời đó! Ấy chỉ vì nhà Trần có quân mạnh tướng rùng làm hậu thuần, nên mới dám dạn-dĩ trả lời nhà Nguyên như vậy.

Người Mông - cổ, thấy về mặt ngoại-giao, hễ trách hỏi một việc thì lại bị cự tuyệt một việc, bèn xoay qua chiến-thuật khác: Mông-cổ lấy nê rằng bây giờ đời quốc-liệu là Đại - Nguyên, nhân d

khánh hạ, mời vua Trần sang chầu.

(Xem tiếp trang 26)

QUYỀN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 12

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

VIII. — HỒ XUÂN-HƯƠNG

Về thơ Xuân-Hương, ông Ngô Tất-Tố nói « bảy giờ không thể can-cứ vào đâu mà biết chỗ nào là đúng, chỗ nào là sai ». Vì thế ông chép câu thứ nhất bài *Bánh trôi* « theo các bản xuất-bản gần đây » như sau này : « Thân em thì trắng, phận em tròn ». Bản chữ nôm của Trương Bắc-cổ (*Xuân-Hương thi tập lục*, số AB 620, tờ 7 a) viết là : « Thân em vừa trắng lại vừa tròn ». Nam chữ « vừa trắng lại vừa tròn » mới hết viên bánh trôi, còn như « thân » với « phận » là tả cảnh người, không phải bánh trôi. Nhưng câu ấy, tôi thường nghe đọc lại rằng : « Của em vừa trắng lại vừa tròn », « em có lý hơn ; vẫn biết chữ « của » ở người đàn bà nói ra thì tục, nhưng thơ Xuân-Hương phần nhiều là thơ tục, có đem dịch ra tiếng nước ngoài, mới mất cái vẻ tục ấy đi ».

Về bài *Vịnh quạt*, ông Ngô Tất-Tố bỏ sót bài sau này, chép trong *Quốc-văn tùng-ký*, sách nôm của Bắc-cổ, số A B 383, tờ 45 b :
Mười bày huy là mười tám đây?
Cho ta yêu-dấu chẳng dờ tay.
Móng dày chừng ấy tránh
ba góc,
Rộng hẹp ngàn nào cảm một
cay
Càng nực bao nhiêu thì càng
mat,
Yêu đem chẳng chán lại yêu
ngày.
Lòng hồng má phấn duyên vì
cậy,
hua, dẫu vua yêu một cái này

Theo luật Đường-thi, thì chữ thứ sáu (*càng*) ở câu thứ năm, đáng lẽ là chữ trắc, cho nên có bản quốc ngữ chép là : « Càng nóng bao nhiêu, càng muốn mát » (*Xuân-Lan, Hồ-Xuân-Hương thi tập*, in lần thứ tư, trang 6) ; mới đọc thì dễ nghe, nhưng xét kỹ thì không bằng câu trên kia, sao theo bản nôm, vì câu này tác giả dụng ý lấy hai chữ « càng » đối với hai chữ « yêu » ở câu dưới, nên không đúng niêm-luật cũng được. Chữ « chẳng chán » ở câu thứ sáu, có bản chép là « chưa phỉ » hoặc « chẳng phỉ ».

Quyền Quốc-văn tùng-ký (sách nôm của Bắc-cổ, số AB 383, tờ 51 b) có câu đưa giầu mời khách, chưa ai chép ra quốc-ngữ này, tôi sao ra đây để làm tài-liệu, chứ không phải tôi tin là chuyện có thật : « Có hai người khách đến chơi nhà Xuân-Hương : một người tên là Đệ vào trước, ở chơi nhà trong, Xuân-Hương ở nhà giữa ; lại có một người tên là Đệ đến sau, mời ở chơi nhà ngoài. Xuân-Hương bỏ quả cau làm hai, mỗi cơi quệt một nửa lá giầu, sai hai con hầu bưng đi mời hai người khách, mỗi cơi một mảnh hoa-tiên để hai câu thơ rằng :

« Thân này vì sẽ làm hai được,
 « Nửa lễ trong nhà, nửa đệ ra »

Xuân-Hương có vài bài nghe không lấy gì là nực lắm, như bài *Qua đèo Ba Dội*, *Đã ông Chồng bà Chồng*, *Khóc ông phũ Vĩnh-tường*, v. v. ; có bài sách quốc-ngữ chép khác đi

ba chữ, có bài không chép ; nay tôi theo bản nôm của Trương Bắc-cổ sao lại như sau này :

Khóc ông phũ Vĩnh-tường.

Trăm năm ông phũ Vĩnh
tường ơi !

Cái nợ ba sinh đã giả rồi.

Chôn chặt văn-chương ba
thước đất,

Tung-hê hồ-thỉ bốn phương
giời.

Hạt sương dưới chiếu cau
mày khóc,

Giọt máu trên tay mím miệng
cười.

Hăm-bảy tháng giời là mấy
chốc !

Trăm năm ông phũ Vĩnh
tường ơi !

Câu thứ hai, có sách quốc-ngữ chép là : « Cái-thế thân, ra khác mất rồi », nghĩa là thân người có chí-khí hơn đời, nay đã khác hẳn rồi. Câu thứ tư, hai chữ « tung-hê » có bản chép là « ném tung ». Câu thứ năm thứ sáu, có bản chép là : « Cán cân tạo-hóa rơi đầu mất, Miệng túi cân khôn thất lại rồi » ; tuy cũng là tả cảnh vợ chồng khi ly-biệt, nhưng câu sao lại trên kia, theo trong *Quốc-văn tùng-ký* (tờ 48 b), có lẽ luyện hơn, mà tạm lại hăm-thiết hơn.

Vịnh người vợ lẽ

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh
lùng,

Chém cha cái kiếp lấy chồng
chung !

Năm thì mười họa, hay chăng
phờ,

Một tháng dỗi lài, có cũng
hông.

Cổ đấm ăn xôi, xôi cũ ọ ọ
hông,

Cầm bằng làm mướn, mướn
không công.

*Thân này vì biết nhường này
nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy
xong!*

Có bản viết : « Cố dấm ăn xôi,
xôi lại hằm » : chữ « hằm » ấy
không bằng chữ « hồng » ở quyển
Quốc văn tụng-ký (tờ 48 b), vì
tục-ngữ có câu : « Xôi hồng, hồng
không ». Chữ đầu câu thứ tám, có
bản viết chữ « thà », nghe không
bằng chữ « thà », vì chữ « thà »
mới đúng vào lời của người vợ lẽ
than thân tội phạm.

Vô đề

*Mây tan, mưa lạnh, liễu xanh
om,
Qua mái Thiền-quan ghé mắt
dòm.
Ngoài cửa đang tay hai chú bé,
Trong gian chống gối một anh
còm.
Chénh-vênh án kệ chuông vàng
lta,
Lắp-ló siêu hương Phật đỏ lòm.
Tới cảnh lấy chi mà vẫn cảnh,
Quý hai gối xuống khấn lom-
khom.*

Ba chữ « khấn lom-khom », có
bản viết « gặt xom-xom » (Nguyễn-
hữu-Tiến, *Giai-nhân di-mặc*, *Sự-
tích và thơ-từ Xuân-Hương*,
trang 51) ; nhưng xét ra hai tiếng
« xom-xom » là đáng-diệu của bọn
thôn-phụ cãi lẫn nhau, không phải
đáng khấn-vái.

*Vịnh đá ông Chồng bà Cồng
Khéo khéo bày trò tạo hóa-công,
Ông chồng đã vậy, lại bà chồng.
Từng trên tuyết đêm phở đầu
bạc,
Thót dưới sương pha đượm
má hồng.
Gan nghĩa dài ra cùng chị
nguyệt,*

*Khởi tình có mãi với non sông.
Đá kia còn biết xuân già giận,
Chẳng trách tuồng ta lúc trẻ
trung.*

Chữ « phở đầu bạc » ở *Quốc-
văn tụng-ký* (tờ 47 b), có bản
viết là « phở đầu bạc ».

Còn nhiều bài nữa, cần phải lấy
những bản nôm ra mà kê-cứu, thì
họa may mới khỏi-phụ đợc
nguyên-văn. Xưa nay những bài
văn nôm của người trước để lại,
không thấy mấy quyển quốc-ngữ
nói rõ xuất-xứ ở đâu. Về thơ Xuân-
Hương, ông Ngô Tất-Tố nói có
« một vị cổ lão » đã sưu-tầm đợc
ngót một trăm bài, hầu hết khác
với những bài trong sách quốc-
ngữ ; nhưng ông không trích lục
bài nào cả, ông chỉ theo sách quốc-
ngữ mà sao lại. Tôi thiết-tưởng
như thế thì nhảm, vì phận-sự
người Hán-học là phải sao ở các
sách nôm sách nho, rồi những chỗ
nào khác thì chú-thích cho rõ ràng ;
nếu cứ chép theo sách quốc-ngữ,
thì không bổ-ích gì ; nhảm vẫn
nhảm, thiếu vẫn thiếu !..

Cả đến tiểu-sử của các văn-nhân,
cũng là phận-sự nhà Hán-học. Cụ
Nguyễn-hữu-Tiến có làm một quyển
Giai-nhân di-mặc nói về sự-tích
và thơ-từ Xuân-Hương, xem lý-thú
lắm, nhưng có chỗ cụ nói cũng
không được rành vì cụ không tra
sách nho, như nói « ở làng Chiêu Hồ
người làng Đan loan, phủ Bình-
giang, tỉnh Hải-dương » (trang 22),
lại chưa thêm « hoặc truyền rằng :
ông ấy ở làng Bình vọng, phủ
Thường tín, Hà-nội, sau có ứng
chiếu Hồ ta Phạm hân-tô, thì
chính là tác-giả quyển *Vũ-trung*

tuỳ bút. Ngay đầu quyển *Vũ-trung
tuỳ-bút* (bản sao của Bắc-cổ, số
A 1297 tờ 1 a) có chữ « Đan-luân
Phạm Tùng-niên » và câu « Đư
sinh Cảnh-hung chi-mậu-tý », nghĩa
là « ta sinh năm mậu-tý hiệu Cảnh-
hung » (theo Tây lịch là năm 1768 ;
như thế có thể đoán được rằng
Xuân-hương cũng sinh vào khoảng
ấy hoặc sau vài chục năm). Cụ
Nguyễn-hữu-Tiến lại nói rằng ông
chiếu Hồ « ứng triệu đỗ Cử-khoa » ;
tra trong *Đăng khoa lục*, năm
Chiêu-thống thứ nhất (1787) có
một kỳ thi chế-khoa, không có ông
nào tên là Hồ ; đến đời Tự-đức
(năm 1851) lại có một kỳ nữa,
cũng không có ông nào tên là Hồ.

Tôi thí dụ mấy câu như thế để
độc-giả biết rằng đối với văn-học
cũng như đối với sử-học nước nhà,
cần phải kê-cứu ở các sách nho
sách nôm thì mới hồng tiến-bộ ;
chứ cứ dựa vào sách quốc-ngữ
thì tam sao thất bản thành một thứ
gia-truyền.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sắp có bán

QUÊ HU'ÔNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát
công phu. Bản thi-rờng :
4\$50. Bản quý : 20\$

Anh Hoa

69 Rue de Clichy, Paris

Thư và tiền đi kèm

6. Mai-1923

DANH NHƠN NAM-KỲ

TIÊU-SỬ

CỤ THỦ-KHOA NGHĨA

(1807—1872)

Số 3

của TRỰC THẦN

VỀ cái chết của cụ Thủ-Khoa, nhiều người ở làng Bình thủy bảo cụ thác về bệnh kiệt lực, cụ vương lấy bệnh ấy cũng đã lâu ngày nên biến thành kinh niên. Người em vợ cụ có thuật lại như vậy : « Ăn Tết rồi, lối rằm ông Huyện Côn ở Cần-thơ (?) mời ngài xuống an giỗ. Chính tôi và một người nữa chèo cho ngài đi. Khi về mắc một đám mưa lớn quá. Ngài về nhà bị cảm nằm vùi. Chị tôi sợ rước đến bốn ông thầy thuốc tới coi mạch cho thuốc. Tội nghiệp ! mấy ông thầy coi mạch rồi, lên án cũng vô hồi ngài, dầu thang cũng vô hồi ngài. Ngài gất lên, nói : « Mấy ông làm thầy sao hỏi tôi ? » Nói vậy chớ ngài cũng biết làm thuốc, chị tôi sợ rước thầy cho có chừng vậy, chớ ngài có uống thuốc của họ đâu ! mà mấy ông thầy ấy cũng khó chịu. Ngài nằm ở trong mà mấy thầy nói chữ rần ngoài trước (chữ bao nhiêu mà nói !). Một lát ngài kêu tôi vào biểu ra nói với chị tư tôi dọn cơm cho mấy thầy ăn rồi mời về, đề rầy lắm chịu không nổi. Bệnh ngài bề ngoài coi thì nặng, nằm mê-mệt, mà về tinh-thần thì ngài vẫn tỉnh-táo luôn. Trước đây chết ngài có làm một bài *ngọa bệnh ngâm thi* »

*Đàn vàng khốn dễ sánh mình
này,
nh có ngày đau thác có ngày,*

*Non nước hỡi (hỡi) còn đương
bầy-bã,
Đất trời sao nữ khiến lay-vay.
Kho phong nguyệt hỡi (hỡi)
chan chan đó,
Vườn cúc tòng còn thớ thớ
đây.
Bệnh cũ vừa an dành lại dậy,
Mặc dầu ngấm ngợi, mặc dầu
say.*

Qua hôm sau, ngài gọi mấy người học trò và tôi, nói rằng hết canh ba thì tắt nghỉ. Ngài nói một cách tỉnh-táo làm cho anh em tôi không tin, tưởng là ngài nói chơi mà thôi. Độ đúng ngợ ngài làm xung, anh em tôi xúm lại hơ, vuốt cho ngài, thì ngài chỉ còn hoi-hóp. Đến xế một chút, ngài tỉnh lại như thường. Ngài gọi anh em tôi vô nữa, dạy lấy viết (bút) mực chép những lời ngài nói. Chúng tôi thưa với ngài đề mỗi người nhớ một câu cũng được, ngài không chịu. Ngài mới đọc cho tôi viết : *Lịch lịch đóng bài tây chi, huyền trượng từ minh, Phán phán vông kiết châu liên, dữ thiên vi thế !*

Ngài dặn chúng tôi phải giữ cho kỹ hai câu này, đừng mất đừng sai một chữ và đến khi ngài thác, nhờ thầy đề làm bài châm thờ ngài. Chúng tôi thưa : Ở đây cũng có người an học giỏi, lựa là phải mượn người khác nước ? Ngài nói nội đây không có ai tài học bằng thầy đề và không ai làm nổi một bài châm xứng đáng mà thờ

ngài. Hai câu ngài vừa đọc, mỗi chữ có một ý nghĩa, chính là đề làm bài châm, phải nói thầy đề biết. Ngài lại nói : Hồi trưa này, lúc ta mệt, làm xung, có một vì sao nhiều ngay nóc nhà, là các vì tiên trên trời rước ta đi đánh cờ. Số ta hết rồi, canh ba này thì mất, các trò hãy coi chừng trăng mọc cho ta hay.

Kể từ đó ngài nằm thêm-thiếp. Lâu lâu hỏi chừng trăng. Chúng tôi ở bên cạnh hầu ngài. Khi trăng lên đã cao, chúng tôi cho ngài hay. Ngài nói : « *Thôi ta đi đa* » ! Đoạn ngài tắt hơi (tài-liệu của ông P. V. T. rút trong *Thế-giới tân-văn* số 21 ngày 27-11-36 trang 16)

Bà Lưu thị Hoán đề quản cụ ba tháng. Sự tốn kém rất nhiều, bà phải cố chợ Bình-thủy lấy tiền chi-phí. Khi chiếc quan tài nằm yên dưới huyết, thì không còn đủ sức đề dựng tấm bia xanh ! Năm mộ đất năm không, trơ-trơ giữa vườn tịch-mịch. Vườn ấy do cụ Thủ-khoa mua lại của ông Quản Sáng ; về sau con cháu ụ bán cho cụ Trùm Neo, ngoại tổ của quan Đốc phủ Dương thân-Hỉ thường gọi là Đốc-phủ Hỉ, chủ nhơn hiện thời.

Trong những cao đồ của cụ, có ông Nguyễn giác-Nguyên tục kêu là Lão Thái (mất năm 1917) là chủ chùa Minh-sur « Nam-nhã-đường » cất trên bờ sông Bình-thủy, cách đường cái lối trăm thước. Người học trò ấy lập bài vị thờ cụ tại chùa.

Đối diện bàn thờ Phật, chín, giữa là bài vị « *Đương kim Hoàng-đế vạn vạn tuế* », bên trái là bài vị « *Bồn cảnh thành-hoàng* », bên mặt là bài vị cụ Thủ-khoa Nghĩa Bài vị ấy như vậy : *Giải-nguyên Tánh Đài, húy Hứa-Nghĩa tảo liên-sanh chi thần vị.*

Hai bên dựa theo vách tường, cộ bàn thờ đề thần chủ (f) của củ Thủ-khoa và bà chánh-thất, kế thất.

Thần chủ của củ Thủ-khoa :

Phần diện. — *Hiền khảo ất-vị giải-nguyên, hiệu Nghi-Chỉ, tằng Cương-Nghị phủ-quân thần chủ.*

Tự tử Bùi-hữu-Tú (2) phụng tự.

Hảm trung. — *Niên - canh đình-mão, tốt ư nhâm - thân niên, chánh nguyệt (nguyệt) niệm nhứt nhứt, li thời, thọ lục thập thất tuế (3).*

Cổ phụ ất-vị giải - nguyên Nguyễn, húy Nghĩa, đệ tam hàng thần chủ.

Thần chủ bà chánh-thất : Nguyễn-thị-Tồn.

Phần diện. — *Hiền tử giải-nguyên chánh thất, tánh Nguyễn, luy viết Trinh-Thuận tiết-liệt như-nhơn thần chủ.*

Hiếu tử Vang (4) phụng tự.

Hảm trung. — *Tử... (?) niên, thập nhứt nguyệt, (nguyệt) nhị thập tứ nhứt.*

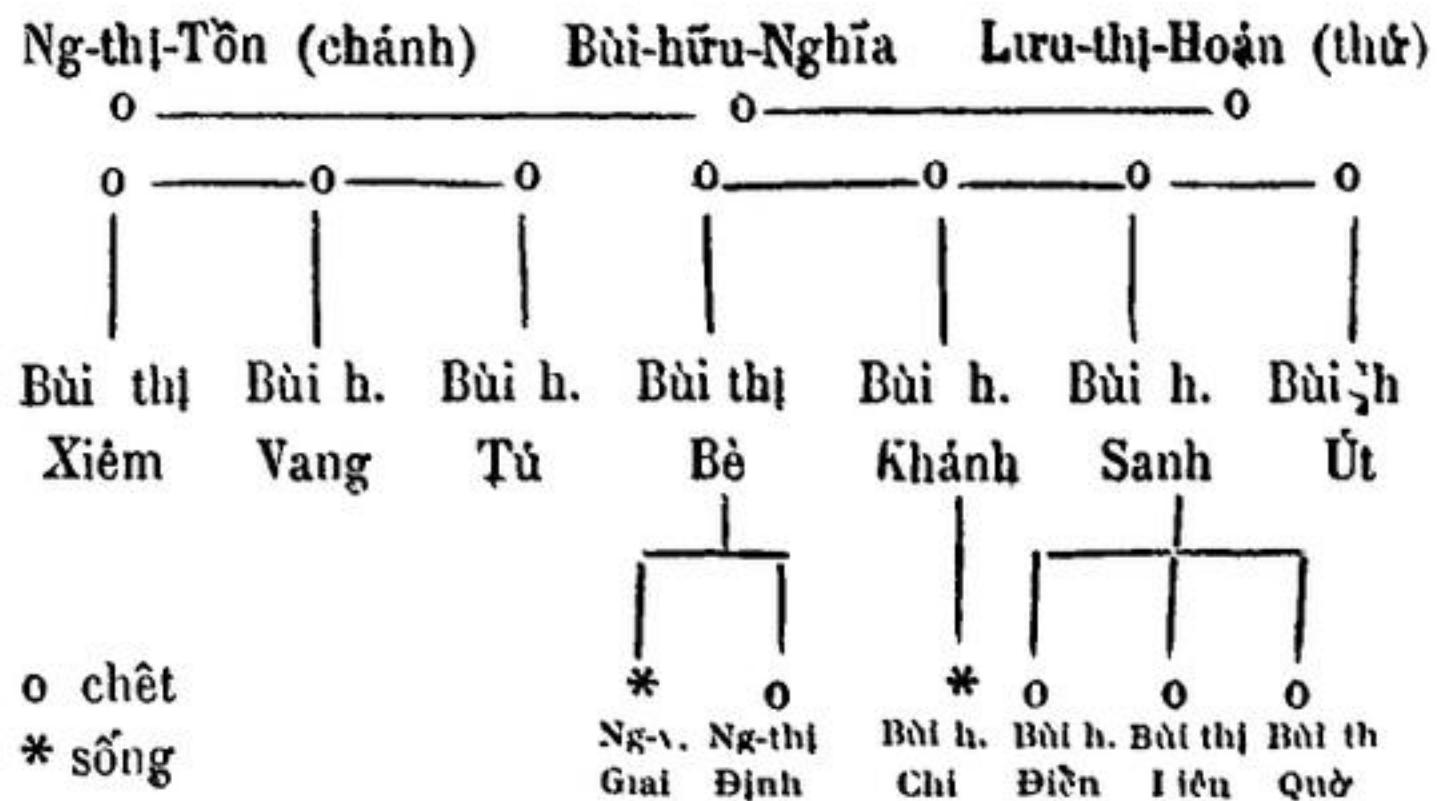
Nam cổ giải nguyên chánh thất, tánh Nguyễn húy Diệu, tự Tồn, đệ mạnh hàng thần chủ.

Những thần chủ này do củ Án doanh điền Nguyễn-hữu-Thống viết (người lập Văn thánh miếu ở Vĩnh long).

Tại Nam-nhã-đường, lúc còn sanh tiền, mỗi năm ông Lão Thái giỗ củ Thủ-khoa rất lớn, vào ngày 20 tháng giêng; có nhiều bậc phú-hào, danh-giá trong làng đến dự; đó toàn là những người đã mướn phục củ, về van tài cũng như về khi-tiết.

Đến nay, tháng ngày qua, cảm tình cũng lần phai lợt với lớp người sau, sự cúng kiến chỉ được đơn sơ.

Tông chi củ Thủ-khoa (5)



o chết
* sống

Bên lề câu chuyện

Sau khi bà chánh-thất khuất bóng, củ Bùi-hữu-Nghĩa đi coi con gái thứ của ông xã Lư văn-Dụ ở Vĩnh-thông (An-giang), tức củ Lư-thị-Chỉ. Ưng hứa xong xuôi, chỉ còn chờ ngày cử hành hôn lễ. Thịnh-linh, củ được lệnh đi phát lịch qua Xiêm. (6)

Đến ngày thành hôn, củ phải nhờ bà chị cả là bà hai Thừa thay-thế đi rước dâu.

Vì người chị không biết rõ « giai-nhân » của em, nên ông Xã Dụ trao hôn, đưa củ gái trưởng là Lư-thị-Ý. (Củ chị nết-na, nhan-sắc đều kém củ em, nên ông Xã Dụ nhưn dịp củ Thủ-khoa vắng mặt, tráo gả). Củ em lại gả cho đề-đốc Đinh ở An-giang.

Khi củ Thủ-khoa về, nhìn củ vợ không phải là « ý trung nhưn » thì bực-tức, sang nhà ông nhạc vắn hỏi và đòi trả lại củ vợ tráo-đổi ấy. Nhưng sự dĩ-lỡ đã lán, đành gả không khứng nhận con lại.

Uất-ức trong lòng, củ Thủ-khoa đổi tên vợ lại là Hoán (nghĩa là đổi, gần âm với oán là oán hờn). Từ đó người ta chỉ gọi bà kế thất là Lư-thị-Hoán.

Nhưng nổi bực tức hãy còn ờ-ạt trong lòng, củ mới mượn van chương làm người dụ.

Câu chuyện tráo hôn đó chính là nguồn cảm hứng của vở tuồng *Kim thạch kỳ duyên* (7)

(Hết)

TRỰC THẦN

(Tây-đô)

1) Thần chủ đề trong một cái hộp cây sơn đen, đáy vuông. Cái hộp cây ấy đề trong một cái hộp lồng kính.

Cái « chủ » gồm có hai miếng ván dùng cắm trên một cái chừa vuông miếng trước là Phần diện (trên ấy đề tên tằng và gọi đến khi thác rồi) Lấy cái phần diện ra miếng sau là hảm trung (trên ấy đề lên tộc gọi khi còn sống và ngày tháng năm chết)

2) Con thứ tư, dòng lớn.

3) Củ Thủ khoa sanh năm đình mao chết năm nhâm-thân, tính theo tuổi ta thì 66 tuổi, tính theo tuổi tây (1807 1872) thì 65 tuổi. Ở thần chủ đề 67 tuổi, e có chỗ sa.

4) Con thứ ba, dòng lớn.

5) Hiện nay, cháu nội, ngoại của củ còn hai ông Bùi hữu-Chỉ ở tại chợ mới Bình-thủy ông Nguyễn văn-Giai ở ở môn (Cần thơ).

6) Chưa tra cứu ra nhâm lúc nào Xin chờ bổ khuyết.

7) Lời 110 g. — Bài này viết được, một phần nhờ hai ông Nguyễn đại Lưu và Đặng ham Hinh giúp cho tài liệu. Vậy tác giả xin trân trọng, nơi đây, ca ngợi hai bậc lao thành ấy

Tr. Th

Lại chủ' LẠC với chủ' HÙNG

Ứng hơe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRONG *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 467, ngày 26 Juin 1943, ông Vũ Ngọc-Phan có đáp lại bài *Lạc-vương với Hùng vương* của tôi đang trong *Tri-Tân*, số 96, ra ngày 20 Mai 1943. Suốt bài ông không dẫn được chứng-cớ, nói được rành-mạch; nhưng tôi cũng cứ theo thứ-tự trong bài của ông mà chữa lại một lần nữa.

Ông nói: « Erckmann-Chatrion là những nhà văn can cứ vào lịch sử để viết tiểu thuyết là một loại văn chương, vậy nói hai cái tên này đã đi cặp kè với nhau và nổi tiếng về văn-học và sử-học (?), cũng như hai ông Trần Trọng-Kim và Bùi Kỷ đã đi cặp kè với nhau trên đường văn chương và khảo cứu và cũng nổi tiếng, thì đã có gì là tai hại ». Tai hại lắm chứ! vì một đảng làm sử, làm văn, một đảng viết tiểu-thuyết lịch-sử. Tiểu-thuyết cốt mua vui, không cần sự thực, thì so với lịch-sử sao được? So như thế, có khác gì đến Tư-mã Thiên ví với Thánh-Thán, đem Trương-vĩnh-Ký ví với tác-giả *Quả dưa đỏ*! Erckmann-Chatrion nổi tiếng về văn-học, chứ có khảo-cứu lịch-sử bao giờ đâu! Tự-vị nào cũng chép là « nhà làm văn » (*littérateurs*), chưa hề thấy quyền nào chép là nhà làm sử. Thế mà ông Vũ Ngọc-Phan lại viết trong sách *Nhà văn hiện đại* (quyển II, trang 64), như thế này: « hai nhà văn họ Bùi và họ Trần đi cặp kè với nhau nhiều lần trên đường văn chương và khảo cứu, làm cho người ta phải nhớ (?) đến cái tên Erckmann-Chatrion trong

văn giới Pháp, hai cái tên đi cặp kè và cũng nổi tiếng về văn học và sử học (?) ».

Về chữ Lạc vương và chữ Hùng-vương, ông nói: « nếu từ đời Hồng-bàng đến đời Trần, ta chưa có quyền sử nào thì lẽ tự nhiên ta phải can cứ vào các lời truyền tụng và các văn thư khác để tra cứu mấy chữ « Hùng-vương và Lạc-vương ». Cứ lý ra thì phải thế, nhưng về việc này có điều hơi khó, là phải xét xem lời truyền-tụng có từ đời Hồng-bàng hay đời Trần. Còn như căn-cứ vào văn-thư, thì nước ta làm gì có, tất nhiên phải chép theo sách Tàu. Có người Tàu chép một lần là « Hùng-vương », ta bắt-chước, truyền-tụng mãi đi, thành một cái rẽ hám chặt rất sâu. Nhưng sách cổ của Tàu đều chép là « Lạc ». ông Henri Maspero khảo ra đầu tiên; nay tôi đem sách ra xem lại thấy đúng như thế, nên phải đính-chính.

Ông Vũ Ngọc-Phan lại nói: « sở dĩ ông Lê Dư viện những sách ấy ra (*Việt điện u linh*, *Lĩnh nam trích quái*) chỉ cốt tra-cứu lấy hai chữ « Hùng-vương », chứ có viện những chuyện hoang-đường trong ấy ra đâu ». Vẫn biết thế, nhưng nếu đem một tên ở trong chuyện hoang-đường, nêu lên, bảo là tên trong lịch-sử, thì nhất-định không đúng phép làm sử. Và lại nên nhớ rằng quyền *Việt-điện u linh* làm nam Khai-hựu thứ nhất (1329), quyền *Lĩnh nam trích-quái* làm năm Hồng-đức thứ 23

(1492), đều sau bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, soạn năm Hồng-đức thứ 10 (1479), là bộ sử Nam chép đời Hồng-bàng trước tiên, trong có câu: « Lạc-tướng sau nhằm ra Hùng-tướng » (quyển 1, tờ 3 a).

Ông Vũ Ngọc-Phan nói: theo sự tra xét của cụ Lê Dư chữ Lạc các bên bản *duy* « chỉ là tên một con sông, chứ có phải là tên nước Việt ta đâu ».

Vẫn biết là tên sông, vì có chép trong *Chu-lễ Trịnh-thị chú* (sách in, quyển 8, tờ 23 a) rõ-ràng lắm. Nhưng có nhiều sách cổ viết chữ Lạc ấy (các bên bản *duy*) là tên nước ta như quyền *Thủy-kinh chú* dẫn một đoạn ở *Giao-châu ngoại-vực-ký*, trong có chữ Lạc-vương, Lạc-hầu, Lạc-tướng, Lạc-dân, Lạc-diễn: năm chữ Lạc đều viết các bên bản *duy*. Đến quyền *An nam chí nguyên* của Trương Bắc-cổ in lại, về mục thổ-sản (trang 63) có chữ Lạc-diễn, về mục cung-thất (trang 136) có chữ Lạc-vương, Lạc-diễn, Lạc-dân, Lạc-tướng, Lạc-cung: năm chữ Lạc ấy cũng viết các bên bản *duy*. Đây là sách Tàu, còn sách ta như quyền *Đại Việt sử-ký tiền biên* (quyển 1, tờ 5 a), có chữ Lạc-tướng, cũng các bên bản *duy*. Ấy đại-khai sách Tàu sách ta đều có chữ Lạc (các bên bản *duy*) để chỉ vào tên nước ta. Trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (tiền biên, quyển 1, tờ 5 a) viết mã bên chữ các; trong *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 3 a) viết xai bên chữ các.

Nhưng thế lại càng rõ ba chữ Lạc đều thông-dụng, mà chữ Lạc các bên bán *duy* vừa là tên sông, vừa là tên đất.

Chỉ có chữ Lạc nhằm ra chữ Hùng, chứ không khi nào chữ Hùng lại nhằm ra chữ Lạc, như lời cụ Lê Dư nói trong *Khai-trí tiến-đức tập-san*, số 5-6, trang 5 và trang 7. Vì sách vở của đời trước để lại, nếu viết vào giấy hay lụa, thì gán nhấm, khắc vào gỗ hay đá, thì sứt mẻ, thế là chỉ có mất nét đi, chứ không khi nào thêm nét được, mà lại bảo rằng: « chép nhầm chữ Hùng ra chữ Lạc »! Nguyên chữ Lạc các bên bán *duy*, so với chữ Hùng *hữu* bên bán *duy*, chỉ hơn nhau có một nét; hề mất nét ấy đi, thì nhằm ngay ra chữ Hùng. Quả-nhiên như thế, chữ Hùng-vương của ta xưa nay vẫn theo, chính là chữ Lạc-vương, viết mất đi một nét.

Mà xét kỹ ra, chữ Lạc-vương rất đúng, vì sách Tàu chép chữ Lạc-vương từ thế-kỷ thứ tư; đến thế-kỷ thứ năm mới nhằm ra chữ Hùng-vương. Lại một lẽ nữa là có chữ Lạc-long: cha là Lạc-long, thì con là Lạc-vương, người giúp việc là Lạc-tướng Lạc-hầu, dân là Lạc-dân; thậm-chí cái nhà của vua ở, fuộng của dân cày, cũng gọi là Lạc-cung, Lạc-diền. Nói tóm lại, bấy giờ ở nước ta, đều có chữ Lạc ở trên cả, cho nên quyển sách Tàu (*Nam-Việt chí*) chép nhầm ra chữ Hùng-vương trước tiên cũng phải viết Hùng-hầu, Hùng-tướng, Hùng-dân, Hùng-diền.

Trong bài *Lạc-vương* với *Hùng-vương*, tôi có dẫn một đoạn của cụ Lê Dư về những chữ Lạc *mã* bên và *xai* bên. Vì ở cuối đoạn ấy có mấy câu cụ tra tự-diễn không kỹ nên tôi phải dẫn, đề cho ai nấy biết rằng cả chữ Lạc các

bên bán *duy* cũng thông-dụng, chứ không phải chỉ có hai chữ Lạc *mã* bên hay *xai* bên, là thông-dụng mà thôi. Trên đoạn ấy cụ nói chữ Lạc các bên bán *duy* là tên sông, dưới đoạn ấy cụ bẻ ông Henri Maspero là tin nhầm, xét ra không có dính-dáng gì đến bài của tôi nên tôi không dẫn. Nay ông Vũ Ngọc-Phan bảo tôi « cắt đầu cắt đuôi... , làm cho độc-giả có thể hiểu lầm về cái ý chính của toàn bài »: ông nói như thế thì nhàn lắm, vì chữ Lạc, là tên sông, chép trong *Chu-lễ*, ai cũng biết, không cần phải dẫn giải; nhưng cụ Lê Dư chỉ biết là tên sông mà thôi, còn cụ cho là sai hết bởi vậy, tôi phải dẫn đoạn chữ Lạc *mã* bên *xai* bên để bổ-chính như tôi đã nhắc lại trên kia. Ấy thế mà ông Vũ Ngọc-Phan lại nói đến những « lương-trí » với những « óc phẩm bình sáng suốt »!...

Về chữ *Chức-phương thị* mà cụ Lê Dư chép là *Chức-phương chí*, ông Vũ Ngọc-Phan nói có bản chép chữ *chí*, nhưng ông không dẫn chứng. Tôi tra những bộ sách in ở Trường Bắc-cổ, như quyển *Chu-lễ chú-sớ* (số 777, quyển 33, tờ 12 b), *Chu-lễ Trịnh-thị chú* (số 852, quyển 8, tờ 22 a), *Chư-quan lễ chú* (số 853, quyển hạ-quan, tờ 38 a) quyển nào cũng viết *Chức-phương thị* và dưới viết *cửu lạc* Quyển *Khang-hy tự-diễn* cũng viết chữ *thị*, nhưng chữ *cửu* thì viết nhầm ra chữ *bát*. Cụ Lê Dư viết nhầm chữ *bát* chắc là theo đấy; còn chữ *thị* mà nhầm ra chữ *chí*, chắc là cụ trông nhầm hay nhớ nhầm, chứ không có quyển nào viết chữ *chí* cả.

Xem như thế thì những lời tôi nói trong bài trước không phải cải chính gì hết, chỉ phải cải-chính thêm vào bài cụ Lê Dư và bài ông Vũ Ngọc-Phan mà thôi.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

MUỐN BIẾT :

TIÊU-SỬ CỦA DANH-NHÂN NAM-KỲ

Khoa Võ :

Đỗ-thanh Nhân, Châu văn Tiếp, Võ-Tánh, Ng.-huỳnh Đức, Lê-v-Duyệt, Ng.-văn Thành, Ng.-văn-Thoại, Trương tấn-Bửu, Dương-công Trừng.

Khoa Văn :

Võ trường Toàn, Ngô-lùng Châu, Ngô nhân-Tịnh, Lê quang-Định, Trịnh-hoài Đức, Phan-thanh Giản, Thủ khoa Nghĩa, Đỗ Chiêu, Trương-vĩnh-Kỷ, Huỳnh mẫn Đạt, Cử Trị, Tôn-thọ-Tường, Học Lạc

MUỐN BIẾT :

SỰ TÍCH MẠC-CỬU KHAI THÁC HÀ-TIÊN

Hãy đọc « Nam-kỳ Danh-nhân »

Quyển sách này đã được Sở Tịch-truyền cổ tịch nhận là hữu ích về phật lịch sử và khuyến khích.

Soạn-giả : ĐÀO-VĂN-HỘI

Tri-phí : 1. Province - à Sotrang

Sách dày gần 300 trang bìa 3 \$ 00 (cước 0 \$ 40).

Mua sỉ từ 10 quyển đến 20 quyển, huê-hồng 10%

— trên 20 quyển, — 20%

Sách in cổ hạng, mua mau kéo hết

NỘI LỜI BAC-SI HÉZARD,

xét qua về y học phương Đông

(Tiếp theo)

của LIÊN GIANG

4) *Thương hàn luận* và *Kim quy yếu lược*, của Trương Trọng-Cảnh đời vua Linh-đế nhà Hán soạn (168 sau G. T. G). Hai pho này mới bắt đầu dạy các phương thuốc. Pho trên có 113 phương toàn chữa về chứng thương hàn và các nhiễm chứng. Pho dưới có 143 phương, dạy chữa các tạp chứng và bệnh sản hậu.

Hai pho này tuy bị đời sau thêm bớt làm sai ngoa đi chút ít, song những phương đề lại thực là kim ngọc ngọc luật, làm nền tảng cho phép thuốc về đời sau. Nhất là pho *Thương hàn luận*, giảng bệnh lập phương trong phép chữa sáu chứng, cách bố trí thực là khúc triết. Vương khảng-Đường đời Minh đã nói rằng: «Phi phương này không chữa nổi bệnh này, phi thuốc này không thành được phương này. Dùng đến thí kiến hiệu, như cái dùi và cái trống hưởng ứng với nhau vậy».

5) *Thiên kim phương* và *Thiên kim dược phương*. Tất cả 60 cuốn, của Tôn tư-Mịch đời Đường soạn. (627 sau G. T. G.) Dạy chữa tạp bệnh về phần nhiệt.

6) *Ngoại đài bí yếu* của Vương Trù đời Tống. Cộng 40 cuốn, chia làm 1104 môn. Những phương bí truyền, là loại sách vô giá trị trong y-học.

7) *Đông viên thập thư*, của Lý-Cao, tên tự là Đông-viên, đời Nguyên soạn (1277). Nguồn tá theo Lý dùng vị thuốc như Hàn

Tin dùng bình: càng nhiều càng hay. Lý chuyên lấy tỷ vị làm trọng.

8) *Tổ vấn huyền cơ-nguyên bệnh thức* - *Tuyên minh luận* - *Vận khí yếu chỉ luận* - *Thương-hàn trực cách phương*. Mấy cuốn này của Lưu-hoàn-Tổ (tức Lưu-hà-Gian) đời Kim soạn ra (cùng một thời với Lý Cao).

9) *Đan Khê tâm pháp* - *Cách trí giữ luận* - *Cục phương phát huy* - *Tinh yếu luận* - *Bản thảo diễn nghĩa* - *Thương hàn biện nghi* - *Nhật dụng toát yếu* - *Bồ di ngoại khoa* - Pho này của Chu-chấn-Hành, hiệu Đan-khê, tiên-sinh cuối đời Nguyên soạn ra.

10) *Đời nhân thư* của Trương Tử-Hòa soạn. Vị danh y này sống cùng một thời với mấy vị trên.

Trên này chỉ kể 10 pho y-thư chính tổng. Phạm nhà làm thuốc phương đông, ai cũng cần phải học đến mới tỏ được y lý. Những nhà y-học phương đông đều tôn Trương-Trọng-Cảnh lên bậc thánh-y. Họ nói rằng nếu nhà nào không thuê bộ kinh sách của Không-tham mà cau đạo, tại nhà y-sĩ không thể nào đi ra ngoài sách của Trọng sư mà chữa bệnh cho người. Còn như Lưu-hà-Gian, Chu-dan-Khê, Lý-dòng-Viên và Trương-tử-Hòa, đời gọi là y-môn tứ đại gia. Lưu sở trường về chứng ôn nhiệt và ôn dịch, Chu chuyên trị về bổ âm, Lý giỏi về chữa nội thương và bổ dương,

còn Trương hay về công phạt.

Kể như thế, những pho sách trên này về được học và y khoa đã đầy đủ lắm rồi.

Về sau, các nhà danh y lục tục cho ra những pho cũng có giá-trị, như *Tiết thị y-án*, *Cảnh-nhạc toàn thư*, *Y môn pháp-luật*, *Phùng thị cầm nang*, *Vạn bệnh hồi xuân*, *Nho môn y học*, *Bản thảo cầu chân*, *Y tôn kim giám*, *Thâm thị tôn sinh*, *Trần tu. Viên y thư*, v.v. Đại để cũng do những pho cổ điển trên kia diễn đạt phụ diễn, hoặc phát minh thêm ra mà thôi. Nhà học giả muốn rộng ý-kiến, cũng nên bác lãm, nhưng phải lấy 13 pho trên làm tiêu-chuẩn mới được.

Trên này là nói về những y-thư Trung-hoa, nay xét về y học nước nhà.

Biết rằng nước ta dùng thuốc bắc cũng đã lâu đời lắm. Người ta nói từ đời Hán đã có các y-sư tâu theo các quan lại của họ

HỒ BA BÈ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ

HỒ BA BÈ ?

xin mời các bạn hãy thân du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BÈ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.

in tại nhà in Trí-Tân giá 2\$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRINH-NHƯ-TÁU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

sang để chữa cho họ. Đến đời Đổng, họ đem những sách thuốc của họ sang. Vì thế, nước ta bị ảnh hưởng về cách y-trị của họ nhiều lắm. Từ hạng bình dân quen uống những thuốc lá và thuốc dấm kinh-nghiệm, còn các nhà giàu sang toàn đón thầy tâu về chữa cho cả. Thành ra môn thuốc lá của mình bị khinh rẻ, các học giả không ai chịu nghiên cứu để lập thành qui-mô. Mãi đến cuối đời Trần, mới có nhà sư hiệu Tuệ-Tĩnh, thâm hiểu y-học, lại tinh thông được tính thuốc nam, soạn ra một pho *Nam dược thần hiệu*. Trong có 500 vị thuốc nam và 500 phương trị nghiệm. Đến đời Lê mạt, có Lê hữu Tắc, hiệu là Hải-thượng lân-ông, có soạn ra bộ *Y-tổng tâm-linh* 66 cuốn. Trong có cuốn *Linh-nam bản-thảo* cũng do bổ cứu ở pho *Nam-dược thần-hiệu tàng* cùng cuốn *Hanh-giản*, có nhiều phương dùng thuốc nam trị bệnh.

Nước ta chỉ có hai pho này là có ấn bản lưu hành. Còn nhiều pho sách thuốc chép tay của các danh y trong nước biên thành ra lời ca dễ truyền cho con cháu cũng có đa số. Nhưng tam sao thất bản, lại thứ chữ nôm rất dễ sai lầm, dù tựu trung có pho cũng có chút giá trị, nhưng học giả không dám noi đây làm chuẩn-thăng.

Chính pho sách có giá trị của Lân ông cũng thoát sắc ở các y thư trung quốc mà ra. Những bộ giấy chữa bệnh bằng thuốc bắc lại là những bộ chính, và nhiều hơn hết. Còn môn thuốc nam chỉ là phần phụ, vì có 3 cuốn mà thôi.

Thuốc nam xưa nay vốn sơ sài, lại chưa lập nên môn học riêng cho có thứ tự, có qui tắc, nên đứng cạnh thuốc bắc đành chịu lép vế. Y-thuật Trung-quốc là một môn học tối cổ, đã chép thành kinh thành điển, được giàu kinh nghiệm lại đủ qui-mô. Dọc-liệu như rừng, thỏ săn sâu cỏ, trách chi mà chẳng tiến bộ.

Những nhà bác học Âu Mỹ ngày nay đã dò sò tìm con mắt về phía nước văn minh tối cổ ở Đông Á để tìm kiếm thêm về y-thuật hồng hồ cứu cho khoa học liệu tạt được tận thặng tận mỹ. Khoa học về môn y, được ở Thái-tây, tuy đã tới trình độ khá cao, song Học thuật không cho phép ai được tự túc hao giờ, cho nên khi còn có những kho nghiên cứu, kẻ học-giả thông minh bỏ qua được. Những bậc tài-học nước ta ngày nay kẻ cũng không hiếm, vậy mà trong y-giới, xem chừng đối với y-thuật cũ phương Đông, vẫn ra chiều lãnh đạm thờ-ơ. Đó tưởng cũng là một điều đáng tiếc! Thang-Bản-Cần-Chân là một danh y Nhật-Bản, tốt nghiệp ở trường Đại-y-học Kim Trách, theo phương pháp mới ra chữa bệnh cho đồng bào trong mười năm. Rút cục không thấy có tiến bộ, con gái lớn bị chứng lỵ chết, ông lấy làm thất vọng, buồn rầu, phát phần học thuốc tâu, Trải 18 năm, khổ công nghiên cứu, lao lóc khắp nơi, mới tỉnh ngộ dần dần. Ông bèn dùng phương thuốc cổ đem chữa

các chứng bệnh, thấy hiệu nghiệm vô cùng. Ông nói rằng: « môn học này tuy cũ, song nếu biết được tinh thêm mà khéo dùng, thì hơn phép mới nhiều lắm. Khốn như ngời đời ganh chuộng lối mới Âu-mỹ thành ra nghiệp Hán y truyền lại chỉ còn nhỏ như sợi tơ, tôi đem ngày lúc nào nghĩ đến cũng lấy làm bực tức. » Ông chỉ lấy phương thuốc của Trương Trọng Cảnh làm cơ sở, chữa khắp các thứ bệnh. Lắm bệnh khó chữa ở môn tây y, đại để như bệnh đường tiện, bệnh thạch lảm, ông cho uống thuốc theo lối cổ mà khỏi, ấy là không kể chứng thương hàn và các nhiều chứng khác, ông chữa rẽ như trở bàn tay. Pao Hoàng Hán y học 3 cuốn do ông soạn ra, dạy người ta theo cổ phương mà chữa bệnh sau khi ăn bệnh tham dụng lối Âu tây.

(hết) LIÊN GIANG

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dù là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, sự sơ nghiệm phôi yếu và tiếp dợt người bị lao (Gi 15)

của B. V. E. VAN-NGON

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hà Nội: Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bàng
Hải Phòng: Hiệu sách Văn Hóa 27 Minh Khai Pétin
Sài Gòn: Nhà sách Nguyễn-khánh-Đôn, 12 Rue Sabourain.

Có in 11 bản giấy đẹp hảo hạng
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn-khánh-Đôn.

Giá báo

Mỗi số	0\$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giá liền tr rở

KHOA-HỌC PHÁP

và công cuộc quốc gia cách mệnh

(La science française et la Révolution nationale)



Ở đây, trước một số đông thính-giả trí-thức Hà-thành, ông Drouin nhà thông-thái mà ai cũng biết tiếng đã trình bày trong một bài diễn-văn trên 12 trang giấy cái tinh-hoa của nền khoa-học Pháp và công-dụng của khoa-học trong công cuộc phục-hưng quốc gia dưới chính thể Thông-chế.

Bấy lâu ta vẫn công-nhận khoa-học là quốc-tế, vì những điều phát-minh của khoa học đều có ích cho toàn-thể nhân-loại, vì giữa các nhà bác-học các nước, có những giây liên-lạc về tinh thần, ra ngoài cả phạm-vi quốc-gia, như trao đổi ý-kiến, cộng-tác về đủ các phương-diện, dự các hội-ngập khoa-học quốc-tế, hay các cuộc khảo-cứu quan-trọng, vân vân.

Sự hợp-tác về khoa-học quốc-tế không phải tới nay mới xuất-hiện, do sự dễ-dàng và tiện-lợi trong việc trao đổi tin-tức và trong sự giao-thông của thế-giới hiện-thời. Xưa kia, chỉ có cách gửi thư, vừa chậm, vừa khó khăn, không được tiện-lợi như ngày nay thế mà các nhà bác-học Âu-châu về thế kỷ thứ XVII vẫn trao đổi những kết quả của cuộc thí-nghiệm, những điều mới phát-minh, một cách dễ-dàng và điều-độ.

Nhưng nếu những điều phát-minh của khoa-học được phổ-bố khắp các nước, nếu cuộc

thí-nghiệm về khoa-học cần phải có sự hợp-tác chặt chẽ giữa các nhà nghiên-cứu hoàn-cầu, các nhà bác-học không phải là không có tinh-cách quốc-gia.

Tuy sự hoạt-động của các nhà bác-học có ích cho tất cả nhân-loại, nhưng trước hết chính tổ-quốc họ được hưởng những sự ích lợi ấy. Sự-nghiệp các nhà bác học ấy đã nâng cao thanh-danh của Tổ-quốc trong hoàn-hải.

Vậy thì đối riêng một nước, khoa-học là một sự hoạt-động cao-thượng có ảnh-hưởng lớn đến tiền-đồ quốc-gia.

Thông-chế đã từng thanh-minh là cần phải kiến-thiết nước Pháp bằng nỗ-lực của dân chúng Pháp, Thông-chế lại muốn cho dự vào công-cuộ: ấy hết thảy những sức hoạt-động của quốc-gia.

Theo con đường đã vạch, Chính-phủ Pháp, trong khi tiến-hành công cuộc quốc-gia cách-mệnh, cần phải khuyến-trương nền khoa-học, tán-trợ, khuyến-kích, đề-mong được nhiều kết quả tốt đẹp ích cho dân nước, lợi cho thanh-danh tổ-quốc.

Nước Pháp có rất nhiều các nhà bác-học.

Song một điều đáng tiếc là trước năm 1940 dưới chính-thể cũ, nhiều nhà khảo-cứu thường thường vì bết hưởng-ứng với phong-trào chính-lý, đã được giới thiệu với công-chúng vào hàng các vị thiên-tài lỗi lạc, do một cách tuyên-

truyền khôn khéo. Trong khi ấy, biết bao nhà bác học chân-tài, mặc dầu được cả hoàn-cầu hoan nghênh và tôn trọng, đều bị quên trong thời-gian hay chỉ được công-chúng biết đến danh-hiệu trong khoảnh-khắc.

Phải-nhiều công-chúng mà nhất là công-chúng Pháp ít biết đến cái cao-thượng và sự cô-gang về phương-diện khoa-học của nước Pháp, cũng như không chú-ý đến cái thanh-danh của các thiên-tài đã được sùng-bái trong khắp hoàn-hải.

Người Pháp không biết hay không biết nữa là tổ-quốc trong vòng ba thế-kỷ nay đã từng có nhiều nhà khoa-học lỗi-lạc kế-tiếp nhau hoạt-động về đủ các phương-diện kỹ-hà-học, thiên-văn-học, cơ-khí-học vật-lý-học, hóa-học, cơ-học, vân vân. Trong mỗi ngành khoa-học, nước Pháp đều có đại-biểu, có một hay nhiều vị « đầu mục ».

Vấn biết tại các nước khác cũng có nhiều thiên-tài. Nhưng chưa thấy một nước nào có nhiều thiên-tài như nước Pháp, đủ làm cho thế-giới phải tôn-sùng, đủ làm vẻ vang cho tổ-quốc nơi hải-ngoại.

Nếu kể hết tên các nhà bác-học ấy thì phải một trường-thiên lịch-sử khoa-học Pháp mới đủ đề cống-hiến độc-giả. Nhưng cũng cần phải kể vài tỷ-dụ về cái đặc-sắc của khoa-học Pháp.

Từ trước tới giờ, ta vẫn sùng-bái nhà bác-học Pasteur là một vị ân-nhân của nhân-loại. Nhưng thử hỏi mấy ai đã biết tới tên Cauchy? Một nhà toán-pháp-học đã vượt được nhiều nỗi khó khăn để vạch đường dẫn lối cho đoàn hậu-tiến trong việc kê-cứu về toán-học.

Ta vẫn thấy nói: tại Đức, hóa-học rất được phát-triển, nhất là từ

giữa thế-kỷ thứ 19 trở đi, hóa-học được dân Đức đem hết nỗ-lực ra kê-cứu và thực-hành. Nhưng ta không quên người sáng lập ra hóa-học là một người Pháp, ông Lavoisier, đã đặt cho khoa-học một nền-tảng vững-cố.

Tuy so với các lân-quốc, nước Pháp có ít xưởng chế tạo về hóa-học, nhưng trong vòng thế-kỷ trước, những nhà hóa học đại-tài không phải là hiếm trên đất Pháp.

Ông Henri Poincaré là một nhà toán-học cao siêu hơn là một nhà Chính-trị. Năm 1912 ông đề lại một sự-nguyện lưãg ấy, một công-cuộc vĩ đại trên trường khoa-học, đủ làm cho nước Pháp có thể tự hào đã sản-xuất đợc một nhà bác-học đại-tài, một khối óc tinh hoa đã phát-minh đợc nhiều về vấn-đề toán-học hay vật-lý học.

Cái di-sản bất-diệt ấy mãi đến năm 1934, nghĩa là 22 năm sau khi ông Henri Poincaré mất, mới đợc công-hành trong nước: đó là bắt đầu một chính-thể.

Đó là một chứng-cớ tỏ cho ta biết rằng: trước kia, trong khi nhiều nhân tài bị bỏ quên trong bóng thời gian, ngoài ra nhờ có sự tuyên-truyền mà nhiều nhà khoa-học vì đã ủng-hộ một chính-thể, nên đợc h. ởng những danh-niệu không chân chính.

Một khi khoa-học không trung-thành với một chính-thể, không hưởng ứng, không ủng-hộ chính-thể ấy, thì khoa học đối với chính-thể ấy đã không ích gì tât phải bị rẽ-ràng. Tuy vậy cái khoa-học chân-chính Pháp không bao giờ có thể trụy lạc đợc, bao giờ cũng giữ nguyên đợc cái chân-giá-trị.

Ngày nay, cái chính-thể cũ đã mai-một rồi. Một chính-thể mới đã

tổ-chức và có nhiệm vụ kiến-thiết một nước « Pháp tương-lai » ở ởng-thịnh và tốt đẹp.

Trong cái thế giới hiện-tại, khoa-học là một sức hoạt-dộng đề năng cao địa-vị một quốc-gia. Vì vậy, tân-chính-thể cần phải ủng-hộ và khuyến-kích khoa-học về mặt tinh-thần và vật-chất.

Về mặt tinh-thần, vấn đề thiết-yếu là phải đặt các nhà bác-học có chân-giá-trị vào những địa-vị xứng-đáng, đề phân-biệt với các nhà khoa-học thường thường. Trong công việc ấy, cần phải có các người công bằng trong sự xét đoán không thiên vị, mới mong tránh khỏi những điều nhầm-lẫn của cụu-chính-thể, mới mong sự lựa-chọn ấy không bị những chính-kiến làm cho sai-lạc.

Trong việc tuyên-truyền những kết quả của cuộc nghiên-cứu khoa-học, cần phải thận-trọng đề giữ nguyên giá-trị của các nhà bác-học, đề những điều phát-minh về khoa-học đợc công-hành theo đúng với lượng và phẩm.

Các nhà bác-học làm việc trong im lặng, không mong công-chúng ca-tụng, nhưng chỉ muốn công-chúng hiểu biết đến sự ích-lợi những điều phát-minh của mình, tức là một sự khuyến-kích có công-hiệu hơn là chức, phẩm, danh-vọng, huy-chương. Nhiều khi các nhà bác-học rất dỗi ưu phiền vì các chính-giới lãnh-đạo đối với công-việc mình làm. Chính phủ cũng nên luôn luôn chú-ý đến sự tận-tâm và giá-trị của các nhà bác-học.

Về phương-diện vật-chất, cần phải giúp các nhà bác-học đợc sống một cách đầy đủ. Các nhà bác-học theo đuổi một công-cuộc

hợp với chỉ-hướng của mình không phải là mong làm nên giàu-có, vì với khối óc tinh-hoa ấy, họ có thể có nhiều sinh-kế đề làm nên giàu-có.

Cái sở-vọng của họ là ước mong đợc đủ phương-pháp hành-dộng, mong có thư-viện, có phòng thí-nghiệm, có vật-liệu, có tiền chi-dụng vào công-cuộc nghiên-cứu.

Trong sự ủng-hộ Chính-phủ đừng nên kiểm-chế, bắt các nhà bác-học phải phát-minh theo một thời-hạn nhất định. Nhiều cuộc thí-nghiệm của các nhà bác-học đại-danh cũng không có kết quả. Nhưng cuộc thí-nghiệm phần nhiều tốn thì giờ hơn sự tưởng-tượng của thế nhân. Nhà bác-học cần phải đợc yên-ổn, đợc tự do hành-dộng, mới mong có kết quả viên-mãn.

Đó là những ý-kiến về khoa học Pháp, về tương-lai và về các phương pháp làm cho khoa học phát-triển dưới tân-chính-thể.

Thống-chế đã dùng các phương-pháp đề đặt khoa-học Pháp lên đài vinh-quang.

Ta nên tin cậy vào Thống-chế Quốc-trưởng và giúp ngài trong công cuộc Phục-hưng.

Ta nên trả lại tiền-nhân địa-vị và danh-vọng xứng-đáng với cái chân-giá-trị của mỗi người.

Khỏi sẽ tới những ngày huy-hoàng, sán-lạn, những ngày rực rỡ về vang cho nền tinh-thần nước Pháp...
NHẬT-NHAM

Muốn làm giàu mua vé số

Dong Phop

1p.00 một vé

Tả quân

Lê Văn-Duyệt (1)

(1763-1832)

Số 1

NGUYỄN TRIỆU

Có lần, trên tờ tạp-chi này, bạn Nhật Nham đã viết về Tả-quân Lê văn-Duyệt. Nay Tri-Tân lại đăng thêm thiên khảo cứu dưới đây của bạn Nguyễn Triệu. Xin các bạn đọc-giả nên coi đó là đề tham-khảo, để hai bài bổ túc lẫn cho nhau, chứ đừng nên cho là trùng-xuất.

T. T.

THỜI bấy giờ Trịnh Nguyễn phân tranh, trong nước ta đang cơn khói đạn. Lê văn Hiếu, quê ở Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa vào tị nạn trong Nam, tại làng Hòa-khánh, tỉnh Định-tường (nay là Mỹtho) gần vàm Tà-lot. Bấy giờ chỉ có con gái Hiếu là Lê văn-Toại, cùng vợ Toại theo vào mà thôi. Sau vợ chồng Toại sinh hai trai là Lê-văn-Duyệt và Lê-văn-Phong.

Năm Duyệt lên 8 tuổi thì tồ-phụ là Lê văn-Hiếu mắc bệnh thiên-thời từ trần.

Sau khi an táng phụ-thân, Lê văn Toại bỏ chốn ấy, đi tìm nơi khác sinh-cơ lập-nghiệp, bèn tới nương náu ở xứ Rạch-gầm, nay là làng Long-hưng gần chợ Ông-Hồ trong hạt Mỹtho ngày nay (?).

Không bao lâu Toại làm ăn thịnh-vượng, vào hạng thường thường bậc trung, tìm thầy cho con đèn sách; song Duyệt không ham học, cả ngày chỉ lêu-lồng ở cây ngoài đường hay ra đồng bắt chim chơi và thích nhất hơi gà-trọi, nên rất sành xem lông « gà nòi ».

Sở dĩ Duyệt không ham học là vì chán-nản trong mình có tật ăn-cung (ái nam). Tuy vậy Duyệt rất thông-minh, lanh-lợi và có sức khỏe. Năm 14, 15 tuổi, Duyệt thường than rằng: « *Làm giai sinh ở thời loạn mà không kéo cờ gióng trống làm đại tướng để lưu danh thiên cổ thì không phải là tài giai* ».

Vào hồi ấy chúa Nguyễn-Ánh lánh nạn chạy đến Rạch-gầm tới nhà Lê văn Toại nghỉ chân và cũng không dám cho ai biết mình là chúa Nguyễn, ngài thấy nhà rộng rãi sạch sẽ thì hỏi xin ở trọ. Vợ chồng Toại thấy khách lạ có vẻ mặt-nhọc thì động lòng thương mà vui lòng làm việc nghĩa. Bà vợ vào bếp lo cơm nước, còn ông chồng thì tiếp chuyện khách cầm chừng.

Sau khi dùng cơm nước xong, chúa Nguyễn Ánh mới hỏi thăm đến chuyện gia-thế nhà chủ. Lê văn-Toại bèn đem hết lai-lịch trong nhà thuật cho chúa Nguyễn nghe hết, rồi vui chuyện bắt sang đến việc con cái: vô phúc sinh phải đứa con đầu lòng, sau này chắc cũng chẳng ra gì, tuổi thì đã lớn

mà học không chịu học, làm chẳng chịu làm tuổi chừng đó mà từ sáng đến tối chỉ chơi lêu-lồng ngoài đồng, leo-trèo cây cối...

Lúc đó bóng đã xế tà, Duyệt đi chơi cũng vừa về đến nhà, quần áo lem luốc bần thiêu, tới cửa thấy có khách lạ thì đi lên về sau nhà thay quần áo xong, bèn lên thì lễ chào khách.

Chúa Nguyễn-Ánh coi qua tướng mạo rồi gọi Duyệt lại gần hỏi chuyện xa gần, chúa thấy Duyệt chẳng phải ngu-dộn như người cha vừa nói, bấy giờ chúa mới nói thật cho Toại hay ngài là chúa Nguyễn đi lánh nạn và muốn thu-dụng Duyệt làm bộ-hạ. Từ đó Duyệt ra đầu quân, theo phò chúa Nguyễn. (Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

1) Phỏng theo: a) Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 23 th rợng và hạ; b) J. Silvestre. Insurrection de Gia định (Revue indochinoise Juillet Aout 1915); c) Tả quân thượng công Nam kỳ tòng trấn Lê văn Duyệt par Lê văn Phát, Đốc phủ sứ in tại Saigon 1924.

2) Theo như bài của bạn Tiên Đàm thuật trong Tri Tân số 31 trang 6 thì di tích tồ tiên Lê văn Duyệt ở huyện Yên lạc, tỉnh Vĩnh yên (Bắc kỳ).

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 4

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

VÀO hồi đầu Thiên-chúa kỷ-nguyên, không còn cuộc di-dân nào lớn như hồi tiền-sử: người Mê-la (Mélaniens) và người Nam-Á (Austro-Asiatiques) ở đâu vẫn ở đấy ngay từ đó. Phía nam Đông-dương cũng vậy: những dân bây giờ ở xứ nào thì đã đến ở xứ ấy ngay từ đầu thế-kỷ thứ nhất. Bằng-chứng ở những tấm bia đá cò khắc bằng tiếng bản-xứ: ở Cao-miên từ hồi ấy đã có bia bằng chữ Cao-miên, ở mấy tỉnh Chiêm-thành trong Trung-kỳ có bia bằng chữ Chiêm-thành.

Ở phía giữa và phía bắc Đông-dương, thì trong thời-kỷ lịch-sử, người Chiêm-thành ở miền giữa Trung-kỳ phải lui xuống để nhường chỗ cho người Việt-Nam. Sở dĩ có cuộc « xô-dẩy » về phía nam » như thế là vì mạn bắc với mạn đông-bắc có cái sức hấp-dẫn rất mạnh; cuộc xô đẩy sinh ra đã lâu lắm, làm cho Đông-dương có những dân-tộc chia ra từng khu-vực như bây giờ.

Hiện như trong cuộc xô-dẩy ấy, không có dân nào bị diệt-vong, phần nhiều chỉ phải theo tiếng nói và phong-tục của người đến xâm-cầm hay người cầm quyền, còn thì vẫn được sinh-tồn như trước. Dân mới không át hẳn dân cũ, mà dân cũ vẫn còn một vài chòm hoặc một vài khu đất: thí-dụ như bọn Môn và Cao-miên không tràn ngập hết bộ Mã-lai (Indonésiens); lại như bọn Việt-Nam chỉ đến ở men bể và men sông, rồi tràn ra trung-châu, để nguyên rừng núi cho người bản-thổ.

Chỗ nào mà dân mới tràn lấp hết dân cũ, thì mới gây ra một giống lai, thành tạp-chủng, nhưng vẫn còn sót một vài cái thê-chất và một vài cái phong-tục cũ.

Nói qua như thế, cũng đủ biết rằng về đời dân chúng, cõi Đông-dương rất là phức-tạp.

Về đường văn-hóa, có một điều nên chú-ý, là văn-hóa Ấn-độ lan sang Viễn-dông rất mạnh; sức mạnh ấy là một việc quan-trọng trong lịch-sử Á-châu và lịch-sử quần-đảo Mã-lai (Insulinde). Người Ấn-độ mang văn-hóa sang cho những đất trung-châu giàu-có này và những cù-lao sung-túc kia, dạy dân bắt-chước phong-tục, luật-lệ, mẫu-tự, phạm-tự, xã-hội, tôn-giáo, đẳng-cấp của Ấn-độ. Nói tóm lại, văn hóa Ấn-độ không phải chỉ có cái ảnh-hưởng tầm-thường mà thôi, chính là đã khai-thác cho phía nam Đông-dương, cũng như người Tàu khai-thác cho xứ Bắc kỳ; nhưng lối thôn-tinh của người Ấn-độ hoàn-toàn văn-hóa, không có tính-cách chính-trị như lối người Tàu.

Có lẽ lúc đầu người Ấn-độ sang Đông-dương chỉ chú-trọng đến việc kinh-tế, việc buôn bán. Vì hồi thế kỷ thứ nhất, những nhà luân-lý La-tinh làm sách có tả thán đến những thứ thương-phẩm xa-xỉ (dénrées de luxe). Những thứ ấy là những thứ gì? Là hương-liệu, trầm-hương, bạch-đàn, các thứ dựa thơm, như long-não, an-tức-hương (tức: cánh-kiến trắng), v. v., đều là sản-vật đặc-biệt của xứ Đông-dương và cù-lao Nam-dương.

Những đảo này và những xứ kia lại có tiếng là lắm vàng nhiều của; sách địa-dư bằng chữ Hy-lạp, chữ La-tinh về đời ấy cũng có chép tới.

Vả lại, muốn vượt biển từ Ấn-độ sang Đông-dương và Nam-dương quần-đảo, vào hồi đó có hai cơ-hội rất tiện.

Một là có những đường, hằng hải của người Ấn-độ và người Trung-hoa vừa mới mở rộng-ra, lại đóng được những thứ thuyền ra biển khơi, trong sách Tàu về thế-kỷ thứ ba có nói tới.

Hai là nhờ có đạo Phật bỏ hẳn giai-cấp, nên người Ấn-độ theo đạo Phật mới dám giao thiệp với dân ngoài mà không sợ ô-uế. Những người ấy là bọn lái thuyền bè trong sách Phật cũng có chép đến. Lại có hạng người Ấn-độ thuộc về hai đẳng-cấp trên, tức là những người có học-vấn, đi cùng với hoặc đi sau bọn lái thuyền kia, sang Đông-dông và Nam-dương dạy dân dựng thành những nền văn-hóa Cao-miên, Chiêm-thành, Chà-và và những văn-hóa đã nhấm sâu tôn-giáo và văn-chương Ấn-độ.

Nhưng Văn hóa Ấn-độ thấm vào dân chúng đến chừng nào? Hay là chỉ có bọn thượng-lưu được hưởng thôi? Vào thế-kỷ thứ 13, những dân ở phía nam Đông-dương bị suy-sút, có phải lỗi tại bọn quý-tộc bà-la-môn đòi-phế không?

Người ta thường nói có lẽ tại dân phía Nam Đông-dương chỉ có cái mã ngoài là Ấn-độ mà thôi còn vẫn giữ nguyên-chất bản-thổ cho nên mới phải thoái-bộ trên con đường văn minh. Bài này lược dịch bản thảo của ông G. Coedès, *Les anciennes civilisations de l'Indochine*, hiện chưa in nguyên-chữ Pháp, nhưng ta sẽ có nhĩa ý cho tới mức độ dĩ nhiên vào bài *Les civilisations de l'Indochine*. (Còn nữa)

Ứng-hoà Nguyễn Văn-Tổ

VẤN-ĐỀ « HỌC »

CAO - ĐẲNG TIỂU - HỌC

và Trung-học Đông-dương

NGUYỄN NHÂN



Nghị-định 21 décembre 1917, ban-bố một học - quy chung cho toàn cõi Đông-dương, đã ấn-định sự tổ-chức và chương-trình học của một nền học kế-tiếp vào bậc tiểu-học, cũng gồm bốn năm như bây giờ; nhưng hồi đó còn kêu là « thành-chung » (complémentaire), mãi năm 1924 mới đổi ra « cao-đẳng tiểu-học » (primaire supérieur). Cái bằng tốt-nghiệp của bậc học ấy, lúc đầu gọi là « diplôme d'études complémentaires », về sau lại đổi ra « diplôme d'études primaires supérieures ».

Tuy chương-trình học đã vài lần thay đổi, từ xưa đến nay, cao-đẳng tiểu-học vẫn giữ được nguyên hình-thức của nó (bốn năm) và tôn-chỉ của nó (đào-tạo hạng trung-lưu của xã-hội, dự-bị lên ngành học cao hơn).

Về phần trung-học bản-xứ, nghị-định 21 décembre 1917 chưa thấy nói đến. Mãi nửa năm sau, nghị-định 15 juillet 1918 mới đặt ra những lớp trung-học bản-xứ, sáp-nhập vào trường trung-học Albert Sarraut của người Pháp ở Hanoi; rồi đến năm 1924 những lớp học ấy được đem về Trung Bảo-hộ (Collège du Protectorat) Trong Nam, thì nghị-

định 7 février 1921 cũng đặt ra những lớp trung-học bản-xứ trong trường « Collège Chasseloup-Laubat » ở Saigon.

Hai nghị-định 26 décembre 1924 thay đổi hẳn chương-trình cao-đẳng tiểu-học và ấn-định rõ-ràng chương-trình hai năm trung-học bản-xứ.

Nghị-định 19 mars 1925 thay đổi chương-trình ban sư-phạm, là một ngành học cũng gồm có 4 năm, đi đôi với cao-đẳng tiểu-học, và chuyên riêng về mục-dịch đào-tạo giáo-viên.

Nghị-định 15 juillet 1927 hoàn-toàn đổi mới hình-thức và chương-trình trung-học bản-xứ: trước kia học trong hai năm thì từ ngày ấy tăng lên ba năm. Hết năm thứ hai thi phần thứ nhất bằng tú-tài bản-xứ đặt ra bởi nghị-định 23 novembre 1927 (brevet de capacité de l'enseignement secondaire franco-indigène); phải đỗ rồi mới được lên năm thứ ba để hết năm ấy thi nốt phần thứ hai.

Tăng lên ba năm như thế, người ta có ý muốn làm cho trung-học bản-xứ có giá-trị tương-đương với ba năm cuối của trung-học Pháp. Tuy vậy, chương-trình học và thi của hai bên khác nhau nhiều lắm.

Với người Pháp, đỗ tú-tài phần thứ nhất rồi, sẽ chọn một trong

hai lớp, triết-học hay toán-học: hai lớp *seconde* và *première* chưa hề có môn triết-lý; đã thế đến năm cuối cùng lại còn tách ra hai lớp, học-sinh được lựa-chọn theo sở-đặc của mình; cho nên một « cậu tú » người Pháp hoặc giỏi triết học hoặc giỏi toán-học, chứ ít người học giỏi và thi đỗ cả hai thứ.

Với người Nam, trung-học bản-xứ không tách-bạch như thế: năm thứ ba đã không chia ra triết-học hay toán-học mà trong suốt ba năm đều phải học nhiều về cả hai mặt; thành ra vừa phải giỏi triết-học, vừa phải giỏi toán-học, mới đỗ được cái bằng tú-tài bản-xứ.

Ngoài ra, « cậu tú » của trung-học bản-xứ còn hơn « cậu tú » an-nam của trung-học Pháp về phương-diện này: trung-học bản-xứ, trong khi tham-bác học-vấn Âu-tây, vẫn giữ được cái tính-cách Á-đông của nó với những giờ học quốc-văn, học chữ nho, học lịch-sử và địa-dư nước nhà, học lịch-sử Trung-hoa và Ấn-độ, học triết-lý Đông-phương.

Nói cho đúng; nếu theo quan-niệm « học để mà biết », thì trung-học bản-xứ do nghị-định 15 juillet 1927 sửa đổi lại, thật là một nền học hoàn-toàn: vừa biết nhiều triết-học, vừa biết nhiều toán-học, lại vừa biết nhiều những môn đặc-biệt Á-đông.

Nhưng tiếc thay! có phải ai cũng « học » chỉ để « biết » mà thôi đâu. Người ta học tú-tài để, sau khi có van-bằng ấy, có thể vào các trường đại-học ở Đông-dương ở Pháp, hay thi vào ngạch này ngạch khác trong các công sở. Ấy thế mà phần nhiều đầu đầu cũng « quý » cái bằng « tú-tài

tây» hơn « tú-tài bản-xứ », mặt đầu có một đạo sắc-lệnh 12 Octobre 1930 nhận cho cái tú-tài bản-xứ được giá-trị tương-đương với tú-tài tây. Vả lại, trừ một số người hiểu-học, thì ai cũng phàn-nàn rằng thi tú-tài bản-xứ khó hơn thi tú-tài tây nhiều. Vì thế mà học-sinh an-nam vẫn thích thi tú-tài tây hơn, dù là học trong trường trung-học bản-xứ.

Nghị-định 20 mars 1930 sửa-đổi chương-trình cao đẳng tiểu-học, sơ-phạm và trung-học, riêng về hai môn sử-ký và địa-dư.

Nghị-định 28 août 1936, một phen nữa, hoàn-toàn cải tạo trung-học bản-xứ, trước sự thực hiển-nhiên không ai chối cãi được. Từ nay nó chỉ còn « bản xứ » có cái tên thôi. Ba năm học dựa theo chương-trình trung-học Pháp: năm thứ nhất theo chương-trình lớp seconde B (bây giờ là *seconde moderne*), năm thứ hai theo chương-trình lớp *première B*, và năm thứ ba cũng chia ra hai lớp *Philosophie* và *Mathématiques*. Tóm lại, đó chỉ là những lớp luyện học-sinh an-nam đi thi tú-tài tây. Thật là tiện lợi cho một số đông học-sinh an-nam « học để dùng ngay được việc », nhưng những ai « học để biết » hẳn phải tiếc cái nền trung học bản-xứ ngày xưa.

Tuy trung-học bản xứ đã thay đổi chỉ-hướng như vậy, chính-phủ vẫn còn giữ cái bằng tú-tài bản-xứ, bằng nam vẫn mở kỳ thi, cho đến khi nó bị « sập » hẳn (nghị-định 5 juillet 1942).

Nghị-định 10 septembre 1942 chính-thức công-nhận rằng ba năm « trung học Đông-dương » (*enseignement secondaire indo-*

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố ».

chinois), hoàn-toàn giống bậc nhì (second cycle) ban trung-học cận-dại của người Pháp, về tên lớp, cũng như về giờ học, về chương-trình, chỉ khác một điều: về pháp-văn và anh-văn, mỗi tuần-lễ ta học nhiều hơn người Pháp một giờ rưỡi.

Còn điều-kiện đề được vào trung-học Đông-dương thì vẫn do những nghị-định 24 janvier 1939 và 9 mai 1939 chỉ rõ phải có bằng-cấp gì và thể-lệ thi vào học ra sao.

Trong khi trung-học bản-xứ thay hình đổi dạng như vậy, cao-đẳng tiểu-học của ta cũng có đổi mới, nhưng chỉ về chương-trình học (nghị-định 3 février 1938) và thể-lệ thi ra (nghị-định 24 janvier 1939).

Tôi đã từng nói rằng C. Đ. T. H. của người Pháp cũng gồm bốn năm học, chứ không phải ba đầu. Nghị-định 23 mai 1939 quả đã công-nhận điều ấy, vì nó tu-ên bố rằng: từ septembre 1939 trở đi, về toán-pháp và khoa-học, năm thứ hai C. Đ. T. H. của ta theo chương-trình năm thứ nhất C. Đ. T. H. của Pháp, năm thứ ba của ta theo chương-trình năm

thứ hai của Pháp, và sau cùng năm thứ tư của ta theo chương-trình năm thứ ba của Pháp. Học sinh Pháp, trước khi vào năm thứ nhất, phải học qua một năm ở lớp dự-bị; như thế chung-quì cũng là bốn năm.

Nghị-định này đã công-nhiên đặt C. Đ. T. H. của ta đứng ngang hàng với C. Đ. T. H. của người Pháp, đứng ngang hàng với bậc nhất (premier cycle) ban trung học cận-dại của Pháp, vì do nghị-định 11 avril 1938 của ông tổng-trưởng bộ Giáo-dục Pháp hai bậc học ấy của người Pháp cùng theo một chương-trình.

Sau 4 năm học, đỗ « Brevet élémentaire » hay « Brevet d'enseignement primaire supérieur » rồi, học-sinh Pháp có thể vào lớp *seconde* ban trung-học để học thi tú-tài.

Thì học-sinh An-nam cũng thế. Sau 4 năm học, đỗ « Diplôme d'études primaires supérieures » rồi, họ sẽ vào lớp *seconde B* trung học Đông-dương để học thi tú-tài tây.

Đến đây, ta đã nhận thấy chỗ giống nhau trong sự tổ-chức nền học-đệ-nhi-cấp của ta và của người Pháp. Nhưng sự cải-cách giáo dục gần đây ở Pháp đã bãi bỏ cao-đẳng tiểu-học Pháp, đổi nó ra làm bậc nhất trung-học cận-dại (premier cycle de l'enseignement secondaire moderne).

Ở Đông-dương, sự cải-cách đó đã thi-hành với những trường C. Đ. T. H. Pháp (nghị-định 31 mai 1942): những trường này đã đổi thành « collèges » (sơ-đẳng trung học).

(Còn nữa)
NGUYỄN HUÂN

Trở lại vấn đề công người vàng

(Tiếp theo trang 3)

— Tôi đương sẽ mình; xin kiếu!

Đó là lời vua Trần Thánh Tông từ chối nhà Nguyên. Về việc này, tôi xin dẫn chứng bằng lời của Cao-Hùng-Trung, người Tàu, tác giả cuốn *An-nam chí kỷ yếu*: « Nguyên Thế-Tổ đã bình Văn nam. Trần Quang - Pí (5) dâng biểu sang cống; Thế-Tổ bèn phong Quang-Bính làm vương. Quang-Bính mất; Nhật-Hoàn tự lập làm vua. Thế-Tổ vời vào châu; Nhật-Hoàn cáo bệnh không đi ». Sau chữ « không đi » đó, tác giả không hề chép thêm: Vua Trần ta phải dâng người vàng thế cho bản-thân chi hết.

Thời kỳ quyết-liệt đã đến! Bao nhiêu viễn nhân, cận nhân về cuộc Trần, Nguyên xung-đột đều dồn-đập cả vào một trào Trần Nhân (1278-1293)!

Lần này, hay tin tân quân mới lên ngôi, người Nguyên sai Lễ bộ thư-ông-thư là Sài-Xuân làm sứ, sang dỗ vua Trần vào châu. Song không chịu khuất phục, vua Trần kiếm cách từ chối: « Tôi đây sinh ra và lớn lên ở nơi thâm cung, không quen phong-thờ lạ, không thể sang triều-cận được. » (6) Biết rõ đó chỉ là những lời chừa mình, người Nguyên lại làm khó dễ: sai Lễ-ông-Tang sang dụ rằng nếu quốc-vương không vào châu được thì nên dâng đồ vàng ngọc để thay-thế (7). Đề giải quyết việc đó, vua Trần có sai người chú họ tên là Di-Ái cùng với bọn Lê Tuấn, Lê Mục đi thay cho mình.

Còn lẽ ở chỗ này, có nơi người Nguyên bảo vua Trần nên

không sang châu thì phải dâng vàng ngọc để thay-thế, nên người sau mới vin đó làm cớ, rồi đổ thừa cho vua Trần là người khởi đầu đem cống người vàng chẳng.

Tức-tối vì nước ta nhiều lần mạn-dạn để kháng như vậy, người Nguyên bèn cử thủ-đoan làm giả: Họ sai Bốc-nhan-Thiếp-một-nhi sang làm tuyền phủ-sứ, đặt riêng một lớp quan-lại để chực sang cai-trị nước ta (8).

Sao chịu! Phải, sao chịu! Vua Trần Nhân chống-cự, không cho bọn quan lại Nguyên dò vào nước. Mông-cổ căm giận bèn lập Di-Ái làm Việt-quốc-vương hồ Mục làm hàn-lâm học sĩ, Tuấn làm trung-thư-lệnh, đi kèm có Sài Xuân cầm quân hộ tống về nước ta.

Tình hình đã vỡ lở như vậy, chỉ còn một đảng dụng võ là mới giải - quyết được thời-cuộc. Đánh! Đánh! vua Trần Nhân lập tức truyền lệnh đem quân đón đường đánh giết bọn tên Xuân. Còn bọn Di-Ái thì chạy bạt trốn về, đều phải phát vãng làm lính.

Đám mây chiến-tranh phủ kín góc trời Đại-Việt! Âm ầm kéo đến binh mã Mông-cổ chà nát luống cày đất ta! Lập mưu để chực đánh úp, Thoát-Hoan và Toa-Đô giả dò là mượn đường qua ta đi đánh Chiêm-thành.

Mạnh-mẽ cự tuyệt, vua Trần trả lời: « Từ nước Nam sang Chiêm-thành, đường thủy đường lục đều không tiện cả ». Để chứng thực việc này, tôi xin dẫn thêm mấy lời của tác giả cuốn *An-nam chí kỷ yếu*: « Bọn tả-thừa Toa-

Đô đi đánh Chiêm-thành, sai sứ sang hỏi mượn đường, nhưng nước An-nam không nghe ». Cùng lắm! Ngoại-giao có hậu thuẫn, nghe cũng có khác thật!

Thế rồi guom lạnh như sương, tên đạn sầm-sập như mưa gió hai nước gặp nhau trên chiến-trường! Kết quả hai trận sau này: Toa-Đô rụng đầu, Ô-Mã-Nhi tan xác, quân Nguyên đại bại dưới bóng cờ anh dũng của chiến sĩ Đại-Việt do đức Trần Hưng - đạo cầm đầu! (9)!

Mà cái oai võ của đời Trần bấy giờ đã làm cho Trần Cương Trung, sứ-giả nhà Nguyên, sau khi đi sứ Đại-Việt, vẫn còn hồi hộp sợ chết mặc dầu Trần, Nguyên khi đó đã đình chiến hẳn. Chứng cớ ấy đã tỏ rõ ở trong bài thơ của Cương-Trung mà cụ Lê Quý-Đôn có dẫn trong *Kiến văn tiểu lục*:

« Mệnh lạc Nam-châu nhất vũ khinh! »

(Phải đi sứ sang nước Nam thì tính-mạng cũng nhẹ như một chiếc lông),

Và:

« Dĩ hạnh qui lai thân kiện tại,
« Mộng trung do giác chươg
hồn kinh! »

(May đã về đến nơi, thấy thân mình còn khỏe mạnh, nhưng trong lúc chiêm bao hãy còn kinh-hãi về nỗi hồn phách lượg-vướng ở nơi lam-chươg).

Coi đó đủ biết, về mặt quân-sự cũng như về mặt ngoại giao, Trần đều thắng-lợi cả.

Và, đối với Nguyên, nhà Trần chẳng những đủ sức: nghênh địch, ba lần át bùi khải ca, lại còn dám làm binh thủ, sang tận tổ mà trừng-trị người Nguyên là khác

nữa! Ấy tôi muốn nói về việc đời Trần Anh-Tông (1293-1314) đem quân sang lấn-lướt đất Tàu:

Số là vua Trần Anh giận Triệu-Giác, tri-châu châu Trấn-an (Tàu), dám bắt người châu Tư-lăng bên ta, rồi lấy mất một lọ vàng, và xâm chiếm hơn ngàn mẫu ruộng, ngài bèn phái quân sang đánh hai châu Quy-thuận và Dương-lợi của nhà Nguyên, nhưng thanh ngôn là để bảo thủ cho người ở châu Tư-lăng. Khi thấy người Nguyên phản kháng về việc đó thì ngài trả lời rằng đó là do nơi biên-thủy tự gây ra việc lỗi thời, chứ bản-quốc có biết đâu tới.

Chính tác giả cuốn *An-nam chí kỷ yếu* cũng chép: « Nhăm năm Hoàng-khánh thứ hai (1313) đời Nguyên Nhân-Tông, quan Trần lấn-lướt hai châu Trấn-an và Quy-thuận, đánh hãm Lộc-dộng và Kim-dộng, luôn dịp lại đốt phá Lợi-châu. Số quân bên Nguyên bị giết và bị bắt có tới vài ngàn người! » Đó, các bạn coi, nếu Trần không đầy đủ thực lực, sao dám gây sự với nhà Nguyên sau khi mình đã đánh thắng ba trận đại chiến?

Cứ lấy tâm-lý mà xét: Về phần

nhà Nguyên, thấy mình đã bại trận nhiều lần và bị coi khinh như vậy, chắc họ chỉ muốn làm hòa cho êm chuyện, quyết không còn dám làm khó dễ trong cuộc ngoại giao với Trần nữa. Còn ta? Biết mình đứng trên địa-vị nước nhỏ, không muốn lòi thối mãi với họ, nên dầu mình có chiến thắng nhiều phen cũng muốn trang-trải thân-thiện với họ để nhân dân được yên nghỉ khỏi phải dăm máu ở nơi chiến trường. Nhưng ta đã nắm phần tì ăng lợi trong tay thì, về việc ngoại-giao, cũng có thể rộng miệng cả tiếng, chứ không sợ sệt nổi gì. Như vậy, nay chúng ta có thể phán đoán chắc chắn: Bấy giờ Nguyên quyết không dám bắt Trần phải cống người vàng; mà Trần cũng quyết không khi nào chịu làm một việc cớ nhục đến quốc-thê như vậy, mặc dầu Mông cổ có lòng tham lam.

(Còn nữa)
HOA-BẮNG

(1) Nguyên Thế Tổ, tên là Hốt-Tất Liệt (Khoubitaï), giết Tống, lên ngôi vua, kỷ nguyên là Chi-nguyên. Bấy giờ là năm Kỷ-mão, tức năm Thiệu

Kể từ nay, phàm các thư từ báo chí xin gửi về số 95-97 Chanceaulme, Hanoi; là trụ sở thống-nhất của bản chí và nhà in Tri-Tân.

Ty tri-sự kính cáo

bảo thứ nhất 1279) đời vua Trần Nhân-Tông.

2) Nhị hà có một tên khác là Lô-giang, lại có một tên nữa là Phú-lương giang (Hoàng Việt địa dư chí, quyển I tờ 19 b; Khâm định Việt sử quyển VI, tờ 42 a).

3) Việc tháng chạp, năm Nguyên-phong thứ bảy (1257). Khâm định Việt sử quyển VI, tờ 41 42

4) Việc tháng hai năm Thiệu long thứ chín (1266) — Khâm định Việt sử quyển VII, tờ 8 a.

5) Các vua ta thường dùng lối này: tên ở trong nước thì khác tên dùng trong quốc thư để giao thiệp với Tàu thì lại khác.

6) Việc năm Bảo - phù thứ sáu (1278). Khâm định Việt sử quyển VII, tờ 20.

7, 8) Việc tháng sáu, năm Thiệu bao thứ tư (1282). — Khâm định Việt sử, quyển VII, tờ 24 — 25.

9) Việc từ năm Thiệu-bao thứ bảy (1285) đến năm Trưng hưng thứ tư (1288). Đại Việt sử ký toàn thư quyển V, tờ 44 — 54

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu đèn Việt Nam hiệu Thiên Thàn

do cha Chử Chánh xứ Tỵu-Liệt Văn-diên (Hà-dòng) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rắn lại, ngọn đèn không lụi đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giấy số 494



TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 24

NGUYỄN HUY TƯỜNG

NGUỖN Mạì đồ ngay đây là một cuộc trên bực trong đầu luôn diễn trong phủ ở uế.

Chàng theo riết họ, chúng tiến vào một ngôi nhà nhỏ. Lửa vừa tắt, người con trai kêu rú lên một tiếng kinh-hãi : ba người tráng sĩ bước vào. Một lưỡi kiếm sắc như nước kề ngay vào cổ hắn. Mạì lạnh lùng hỏi :

Mi là ai ?

Bầm quan lớn, con là Đào văn-Kiên tên kia đáp một-cách sợ hãi và ngập ngừng.

— Còn ở kia ?

Người con gái thưa :

— Bầm quan lớn, chúng con là con nhà lương - thiện, bị bác này và mấy người nữa bắt vào trong phủ, xin quan lớn tha cho con được về.

Mạì hỏi Kiên :

— Sao mi lại vô cớ bắt người lương thiện vào đây làm gì ?

— Bầm quan lớn, chúng con theo lệnh quốc-cửu, bắt những mỹ nữ để quốc cửu dùng.

— Mi đã bắt cho quốc cửu, thì đem người ta đến đây làm gì ?

Mạì nhìn người con gái, quả là một người mặt hoa da phấn, trông có vẻ e-lệ hơn là vẻ lẳng-lơ. Đào-văn-Kiên thấy tráng-sĩ hỏi vặn, ấp-úng không sao đáp lại nên lời

Hắn định chạy trốn, nhưng Mạì đã giữ hắn lại, bàn tay sát của chàng bóp chặt bàn tay hắn. Hắn nhăn mặt kêu đau, lạy lạy-lạy đề. Mạì cười nhạt nói :

Mi cậy thế cậy mi, ý quyền ức hiếp người ta. Ta nghe đồn mi là một trong ba tay sai đắc lực nhất của Đặng Lân ?

Đào-văn-Kiên thất sắc, không hiểu làm sao tưng-sĩ lại biết rõ-tường như thế

Mạì tiếp

— Đêm hội Long-trì, mi có theo cậu mi đánh nhau với bọn học trò quốc-lữ-giám. Ta còn nhớ rõ mặt mi. Tội-ác của mi nhiều lắm, nhưng ta cũng tha cho, tha cho cả cái tội này.

Mạì lấy tay chỉ người con gái, rồi lại tiếp :

— Cậu mi mà biết mi tự-tiện thông-gian với người kia, chắc mi cũng không thoát chết. Nhưng ta làm ơn cho. Ta chỉ cần người giúp cho một công việc : Mau chỉ cho ta nhà giam công-tử Bảo-Kim. Ta là quan Hộ-thành bình-mã-sứ đây.

Đào-văn-Kiên trở mặt kinh ngạc nhìn Nguyễn-Mạì, người mà chúng nó vừa sợ vừa thù ghét. Biết là có việc với một tay lão-luyện và sừng-sỏ, Văn-Kiên nói :

— Bầm lạy quan lớn, xin quan lớn tha phúc cho con. Bảo-Kim, công-tử con quan cố Nguyễn Thị-lang phải không ?

— Phải

— Chính hôm nay đến phiên con đánh các cậu ấy.

— Bầy người phải không ?

— Bầm quan lớn, tám.

— Đó là các bạn ta. Mi dẫn ta đến, không những ta tha tội chết cho mi, mà còn thưởng công cho là bằng khác nữa. Đi mau !

Sợ tiết-lộ, chàng sai Đặng-Phan gọi người thiếu nữ lại, rồi ba thầy trò theo Đào-văn-Kiên đi qua những nhà ngang dãy dọc, họ đến một căn nhà kiên-cố, ẩn trong cây-cối um-tùm. Đào-văn-Kiên lấy chìa khóa, mở chiếc cổng kín. Một mùi hôi hám xông ra. Nhà chia ra hai phần, ngan nhau bởi một hàng chấn song bằng sắt lớn.

Gian ngoài là nơi canh, mỗi bên kê một hàng ghế ngựa dài có chường nam tên gia-nhân nằm há hốc mồm

ngủ lan ngủ lóc. Mạì tiến đến trước chấn song; nhờ ánh đèn ở gian ngoài chàng thấy rõ mờ các bạn chàng. Người nào chân tay đeo xiềng-xích nặng-nề, mặt mũi thì hốc-hác, mắt trộm sâu vào, râu tóc mọc rậm, Người nào cũng chỉ đeo một mảnh khố. Họ nằm trên rơm-rạ trong mập-mờ có vấy máu.

Đứng trước cảnh thảm-não ấy, Mạì, tuy là một trang võ-tướng, cũng thấy buồn-ngùi, nhất là vì những kẻ bị giam kia lại là những bạn chí thiết của chàng. Chàng định gọi Bảo-Kim, thì chợt nghe tiếng Đỗ-tấn-Giao lanh-lảnh ngâm :

Triết kích tam giang thiết vị tiêu..

Và thấy cả bọn đồng thanh ngâm theo. Nơi giam cầm bỗng chốc thành một hội tạc đàn :

— Mạì cười và làm-bầm :

— Họ sung-sướng thực !

Rồi Mạì quay về lại bảo Đào-văn-Kiên, hai bên có Phạm-Kinh và Đặng Phan tuốt kiếm đứng kèm :

— Mở chấn song ta.

Đào-văn-Kiên nói :

— Bầm quan lớn, chúng con đã dẫn quan lớn tới đây, chẳng nhẽ còn giấu-giếm : Cứ mỗi buổi đánh các công-lữ song, chúng con lại phải giao chìa khóa cho Phò mã ..

— Đánh từ hôm nào ?

Được bầy hôm nay, mỗi hôm hai lần đánh và chỉ cho ăn cháo cầm hơi :

— Chủ mi thực đáng chết.

Chợt có tiếng ở đầu bàn-tán :

— Có phải anh Mạì không ?

— Không có lẽ

— Chính anh ấy.

— Nhưng sao anh ấy lại vào đây ?

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Giới-thiệu

1) Khảo luận về « Kim vân Kiều », phụ Thanh-hiên thi tập của Đào-duy. Anh do Quan Hải lòng thư, Huế, xuất bản dày 250 trang, giá 2 \$ 40.

Kể ra các sách bàn về K. V. Kiều, từ xưa đến nay rất nhiều nhưng chưa có quyển nào viết bằng quốc-văn có giá-trị. Nay bạn Đ. D. Anh đã lưu-tâm kê cứu, khảo-sát, chép thành một quyển khảo-luận rất đầy-đủ, trong sách chép cả tiểu sử tác-giả, lai lịch sách, nhân-vật trong truyện, phê-bình văn-chương, tư-tưởng và địa-vị quyển Truyện Kiều trong văn giới, dưới lại chép phụ lục các bài thơ của Ng. Du cho ta thấy cái tâm-sự bậc cổ-thần nhà Lê gặp hồi quốc biến.

Quyển khảo-luận về K. V. Kiều này có thể dùng làm sách giáo-khoa về quốc-văn trong các trường vì thể-tài giống như cuốn văn-học sử chép riêng về truyện Kiều.

2) Trẻ con hát trẻ con chơi : Nguyễn văn Vĩnh, Mạnh Quỳnh trình bày. — Thư xã A. de Rhodes mới cho ấn hành quyển sách trên sưu-tập tất cả các câu hát thông-thường của các trẻ em, cạnh mỗi câu hát đều có tranh vẽ, thật là một cuốn

sách hè rất vui cho các trẻ em nhỏ, đọc để giải trí sau những tháng học cặm-cui ở nhà trường.

3) Văn liệu từ điển của Long Điền Nguyễn văn Minh, tựa của cụ Ng. văn Ngọc, Đốc học Hà-dông — sách in giấy tốt, ngót 400 trang, giá 5 \$.

Bạn Long Điền Nguyễn văn Minh trong bao năm giờ sưu-tầm các văn liệu này mới cho đem ấn hành quyển « văn liệu từ điển » thật là vừa hợp thời.

Đại-đề trong sách có các thành ngữ mà ta thường đọc ở các đoạn văn hoặc dùng điền, hoặc xuất xứ ở các văn thơ, những câu ấy đã được giải nghĩa và dẫn chứng một cách rõ-ràng.

Một tỉ dụ : ta đọc bài văn tế tướng-sĩ hồi Gia-Long có câu : « Đã mấy buổi sơn phong, hải lễ... » Nếu giở từ điển trang 288 sẽ thấy chưa rành-mạch :

Sơn phong : gió núi : khi đức Thế Tổ Nguyễn Anh đóng ở đảo giữa bể quân Tây-sơn chợt đến vậy, bỗng đứng giong nổi bão, thuyền Tây-sơn chìm đắm, Thế Tổ vượt đò vượt khỏi trùng vi.

Hải lễ : nước ngọt ở bể : khi đức Thế Tổ Nguyễn Anh chạy ra bể, bấy ngày đêm không có nước uống, tự nhiên có một giếng nước ngọt, quân sĩ mới có nước dùng khỏi khát.

Vì thế nói đến công nghiệp nhà Nguyễn thường hay có bốn chữ « sơn phong hải lễ ».

Những tỉ dụ như thế đầy đầy trong sách giúp ích cho ta những khi đọc đến các đoạn văn có dùng điền — mà văn-chương ta và Tàu thì phần nhiều là dùng điền hoặc « lấy chữ » ở trong sách truyện cả.

Công dụng quyển Từ điển văn liệu của bạn Long Điền xin nhường, các bạn thức giả trong nước phê phán. Dạy xét về phương diện văn học thời quyển sách này rất cần cho các học sinh, nhất là bạn Cao-đáng tiền-học, thường ngày đọc quốc-văn, đến những câu khó hiểu, những

điền không biết lấy ở đâu, nên có quyển văn-liệu từ-diện này sẽ thấy sự đọc sách có hứng-thú và bổ ích nhiều.

Nếu xét các biên các sách dùng kê-cứu, ta sẽ nhận thấy bạn Long Điền đã thu thập rất nhiều tài-liệu xưa và nay, trong số ấy có cả các tờ tạp chí mà nay đã thôi không ấn-hành nữa.

Công việc của bạn Long-Điền thật đáng cho ta chú ý và khuyến khích, còn mong quyển thứ hai sẽ xuất bản đề nối với quyển này và rồi « Văn liệu từ điển » sẽ ra trọn bộ thời trong việc khảo cứu lại thêm được một tài-liệu đáng đản và có ích.

Tri Tàn xin vui lòng giới thiệu mấy quyển sách có giá trị trên đây cùng độc-giả thânquen. I H

Sở-lạc quyển sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(do Hội Khảo-học Cantho to chức)
(tiếp theo)

Qui ông Lương văn Thành
Tòa Bỏ Cantho... 10 \$ 00
Nguyễn-văn-Thuê,
cai tổng D. An... 5, 00
Lê-thuận-Hòa,
điền chủ Cầu Kè... 00 00
Phan-lương-Bán,
kỹ-sư canh nông... 0, 00
Nguyễn-đại Liêng,
điền chủ Long tuyến... 10, 00
Nguyễn-văn-Khai,
kỹ sư khám Đạt... 5, 00
Nguyễn-văn Miếu,
sở Khám Đạt Cantho... 2, 00
Nguyễn-văn-Dịnh,
sở Khám-Dạt Cantho... 1, 00
Phan văn Hạc,
sở Khám Đạt Cantho... 1, 00
Nguyễn-đang Khôi,
sở Khám Đạt Cantho... 1, 00
Nguyễn-văn Nở.

Tòa Bỏ Cantho... 10 00

Sở chung... 100 \$ 00

Sở trước... 298, (h)

Cả thảy... 398 \$ 00

(còn nữa)

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông. nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3 \$ 50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa Phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00
cước quyền lớn 0 \$ 64, nhỏ 0 \$ 30.	

Hỏi : M. Nguyễn-xuân-Dương
Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.

NHỮNG SÁCH CỦA THU-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

ĐA XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGŨ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHAO VIỆT-NGŨ

của Lê-van-Nữ Giá 0\$50

4. — LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH

80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh

của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu

Bản thường 0\$80 — Bản giấy Đại La 5\$00

5. — TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI

của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập
khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.

Bản thường 0\$50 — Bản giấy Đại La 5\$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — Kim Vân Kiều tome II (trọn bộ)

bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23

có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH

Bản thường 3\$50 — Bản giấy Vergé bontant 8\$50

Tổng phát-hành : Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi.



« Loại sách văn hóa »

Mới có bản. 2\$20

ĐỜI SỐNG THÁI CỒ QUYỀN II

trong bộ « Lịch sử thế giới »
của Nguyễn-đức-Quỳnh

HÀN-THUYỀN
71, Tiền - Tsin,
HANOI

ĐÃ XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ
của Nguyễn bách-Khoa 1\$80

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI
của Nguyễn-đức-Quỳnh 1\$80

ỐC KHOA HỌC

của Phạm ngọc Khuê 2\$20

Mua một cuốn gì trước,
thên 0p 40 uóc hân.

ĐA CÓ BAN :

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỀ

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

Những thanh-ngữ và từ-ngữ của ta trong
các thơ văn cổ kim đều định nghĩa rõ ràng,
dẫn chứng cẩn thận rất tiện tra cứu trong
khi đọc sách và nhất cho các học sinh
học khoa quốc-văn trong các trường.

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 Giá... 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi HANOI

51, Doumer — HAIPHONG

Mua buôn xin viết thư thương-lượng.

ĐÃ CÓ BAN :

KHẢO LUẬN VỀ

KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH.

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ cả Thanh-hiến thi tập và Bắc-hành
tập-lục.

Giá 2\$40

VĂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Huế

REVUE TRI TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur : Nguyễn-Tường Phương

Imp. Tri-Tân 95-97 Chancéaulme, Hanoi.